

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG - DƯƠNG CHÂU - MỸ HUỆ
BÍCH NGỌC - VIỆT TIẾN - MỘNG THUY

ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO môn **Tiếng Anh**

1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NGUYỄN TRƯỜNG GIANG - DƯƠNG CHÂU - MỸ HUỆ
BÍCH NGỌC - VIỆT TIẾN - MỘNG THUY

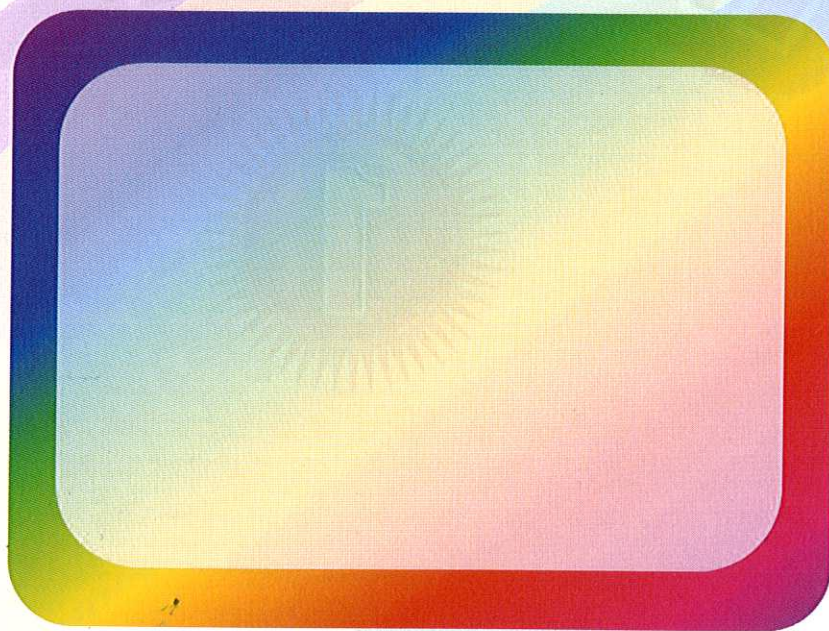
ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO
môn
Tiếng Anh



Tổ chức biên soạn:
Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

THIS BOOK BELONGS TO

.....



LỜI NÓI ĐẦU

Đề kiểm tra tham khảo môn Tiếng Anh 1 nằm trong bộ sách gồm 5 cuốn dành cho học sinh Tiểu học, vừa là đề kiểm tra tham khảo vừa giúp học sinh luyện tập nhằm hoàn thiện bốn kĩ năng Nghe – Nói – Đọc và Viết.

Các đề kiểm tra trong bộ sách này được biên soạn từ dễ đến khó, giúp học sinh không quá bối ngỡ trong giai đoạn đầu học ngoại ngữ, từ đó nâng dần mức độ khó và độ dài của bài kiểm tra để hướng tới mục tiêu cuối cùng là tạo sự tự tin cho học sinh trước các kì thi quốc tế dành cho học sinh Tiểu học. Với cùng một dạng bài nhưng các bài kiểm tra có mức độ khó khác nhau sẽ giúp giáo viên có thêm nguồn tài liệu để giảng dạy và ra đề kiểm tra theo hướng cá thể hoá sao cho học sinh yếu không nản chí và học sinh giỏi có thể chinh phục các thử thách để vượt lên chính mình.

Nội dung các đề kiểm tra tuân thủ nguyên tắc “xoáy tròn ốc”, qua đó học sinh sẽ có cảm giác tự tin với các kiến thức đã học đồng thời học thêm kiến thức mới một cách nhẹ nhàng mà hiệu quả.

Bộ sách được biên soạn dựa trên chuẩn kiến thức về từ vựng, cấu trúc, ... của các kì thi quốc tế cũng như chuẩn kiến thức của các bộ sách Tiếng Anh đang giảng dạy tại trường Tiểu học.

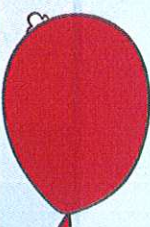
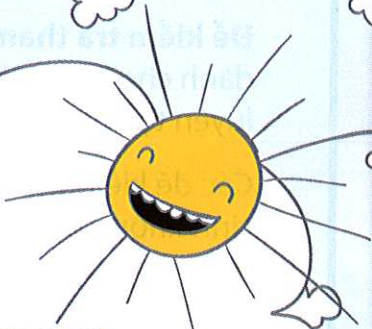
Bộ sách có thể được dùng để giảng dạy chính khoá trong nhà trường với thời lượng 1 tiết/ tuần, hoặc là nguồn tài liệu cho giáo viên tham khảo cũng như cho học sinh tự rèn luyện thêm ở nhà với sự hỗ trợ của phụ huynh. Các bài tập có đánh dấu * được dành cho học sinh khá giỏi.

Đề kiểm tra tham khảo môn Tiếng Anh 1 gồm 8 bài kiểm tra tham khảo, với đầy đủ bốn kĩ năng. Sách dùng kèm với đĩa CD dành cho các bài kiểm tra kĩ năng Nghe. File âm thanh, phần đáp án, phần nội dung bài Nghe và phần hướng dẫn kiểm tra kĩ năng Nói có thể được tải về từ trang web Công ty CPDVXBGD Gia Định (<http://site.xuatbangiadinh.vn/san-pham/file-download.html>), giúp học sinh, giáo viên và phụ huynh dễ dàng hơn khi tham khảo.

Với kinh nghiệm giảng dạy và mong muốn cho ra đời một cuốn sách có chất lượng, đáp ứng được nhu cầu dạy và học Tiếng Anh ở bậc Tiểu học, nhóm tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý đồng nghiệp và quý phụ huynh.

CÁC TÁC GIẢ





CONTENTS

TESTS	PAGES
1	5
2	13
3	21
4	29
5	37
6	47
7	57
8	67
Alphabetic Vocabulary List	77

TEST 1
Part 1

LISTENING

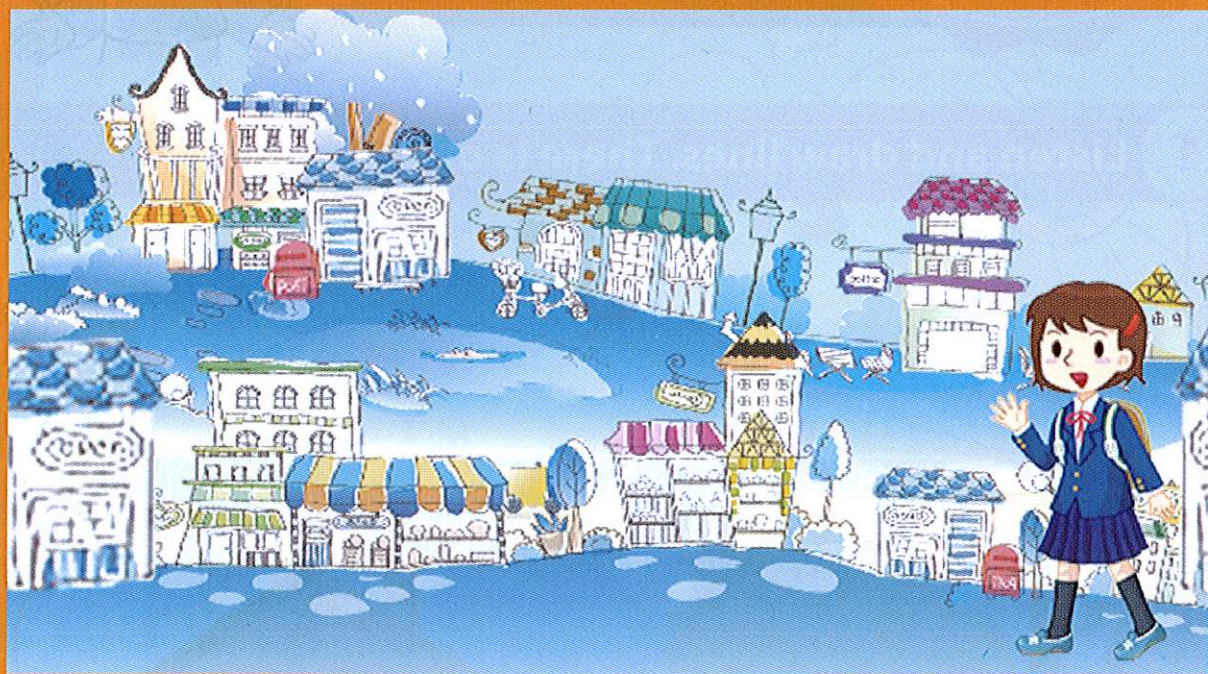


1 Listen and draw lines. There is one example.



2*

Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the name of May's brother?

Bill

How old is May's brother?

8

Questions

1. What's the name of May's mother?

.....

2. Where does May live?

In Street

3. What's her house's number?

.....

4. How many cats does May have?

.....

5. What's the name of May's cat?

.....

Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.

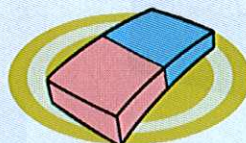


This is an orange frog.

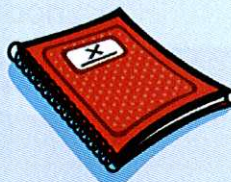


Questions

1. This is an eraser.



2. This is a red notebook.



3. This is a purple phone.



4. This is a board.



5. This is a black bag.



2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

Examples

There are four people in picture A.

.....**yes**.....

In picture B, the house is blue.

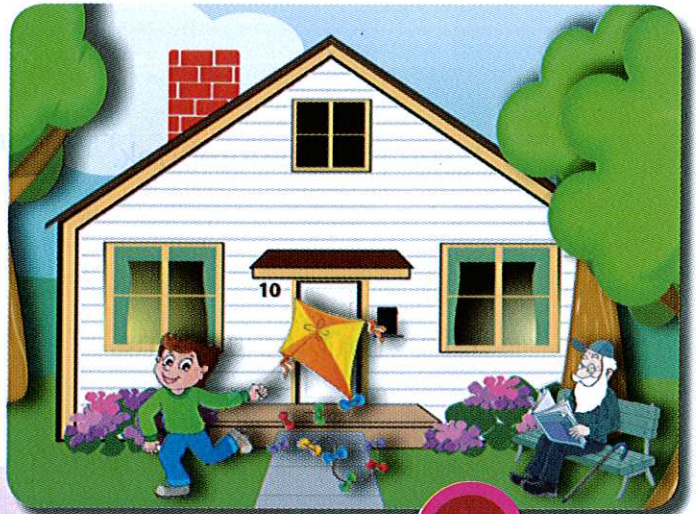
.....**no**.....



A

In picture A:

1. Two women are sitting on the bench.
2. The boy is wearing a red cap.
3. There are flowers in the grass.
4. The children are playing with sand.
5. The girl is eating a banana.



B

In picture B:

6. The old man is sitting on the chair.
7. The boy is playing with the dog.
8. There are trees and flowers.
9. The kite is red.
10. The number of the house is 10.

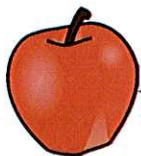
Part 3

WRITING



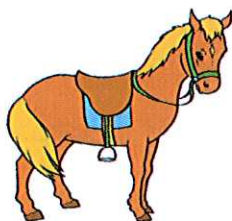
1 Look at the pictures and the letters. Choose a letter and write. There is one example.

o c a



a pple

o e a



1. hors _

a c i



2. gu _ tar

g j h



3. _ uice

i k l



4. bal _ oon

b c a



5. c _ r

2 Look at the picture and the letters. Write the words. There is one example.

0. hand

a
d n
h

d h
e
a

3. _____

1. _____

s
o n
e

r e
a

4. _____

2. _____

h t
u o
m

e
y e

5. _____

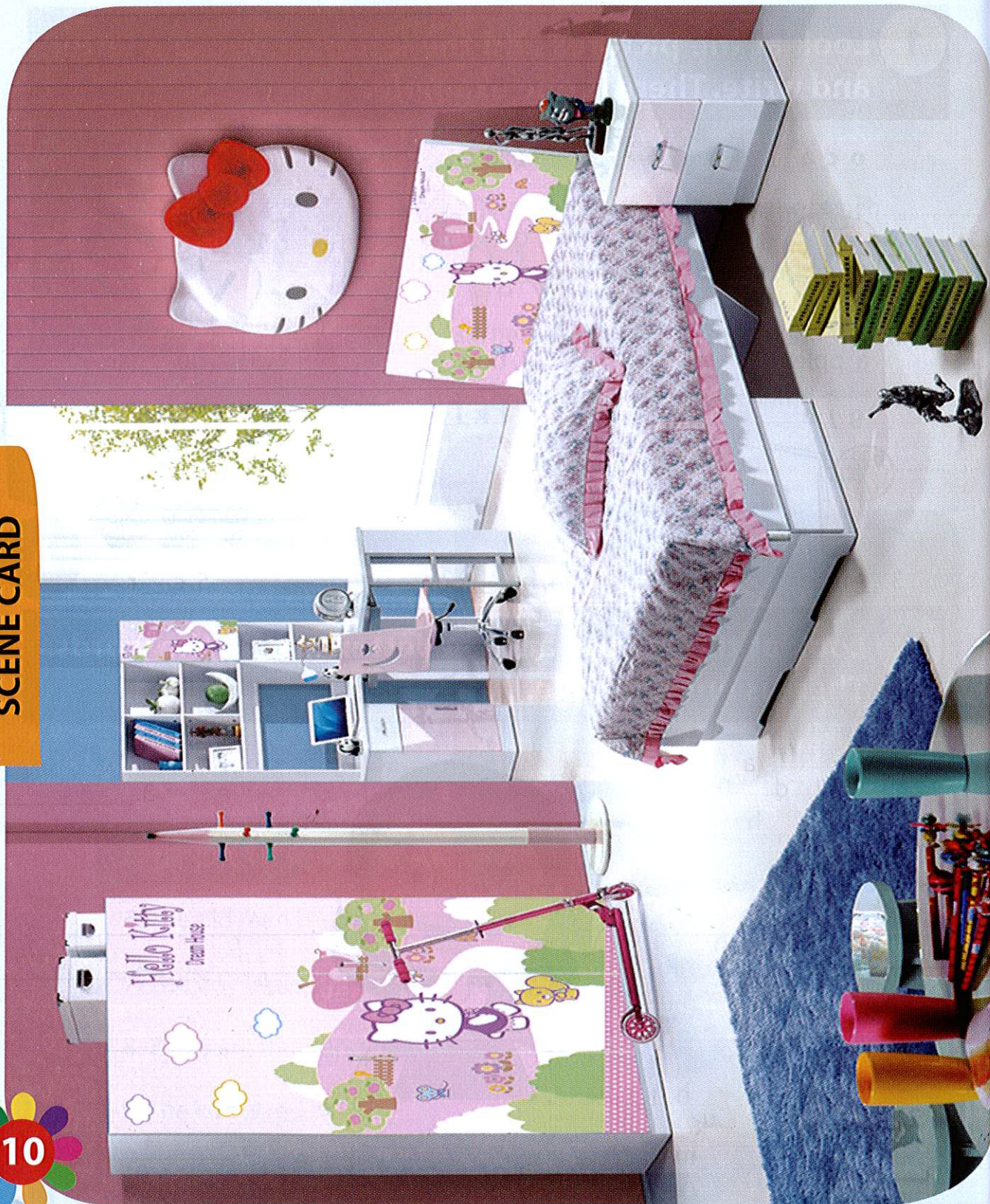


Part 4

SPEAKING



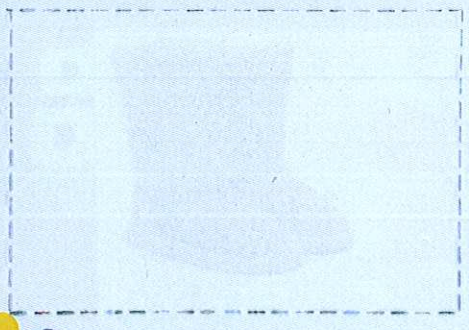
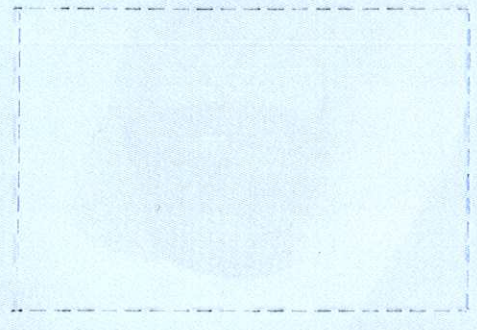
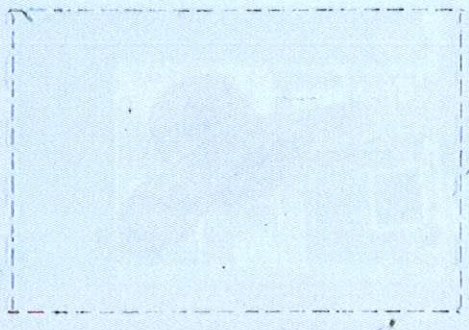
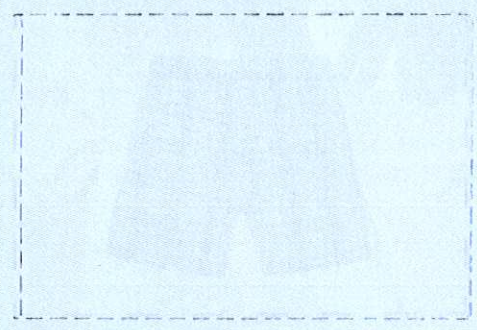
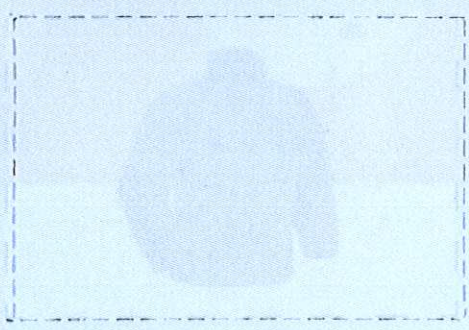
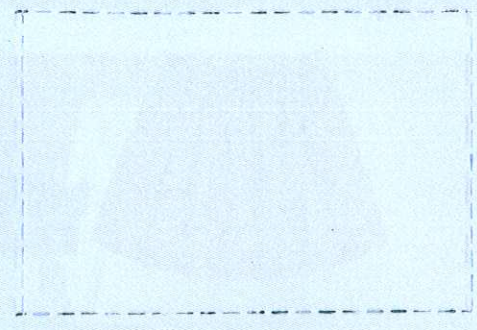
SCENE CARD



OBJECT CARDS



OBJECT CARDS

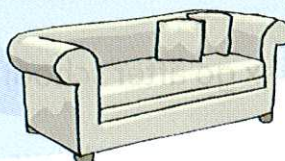
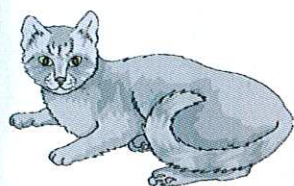


TEST 2 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2* Read the questions. Listen and write a name or a number. There are two examples.



Examples

What's the boy's name? *Alex*

How old is he? *8*

Questions

1. What's the name of Alex's friend?
2. Where does she live? In Street
3. How many children are there in Alex's class?
4. Where does Alex go after school? Park
5. What's the number of Alex's bus?

Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.



This is an orange frog.



Questions

1. This is a zoo.



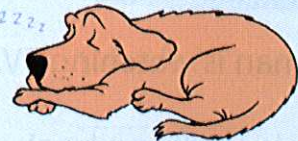
2. This is fish.



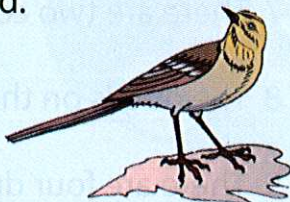
3. She is happy.



4. This is a black and white dog.



5. This is a bird.



6. Read the book.



2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

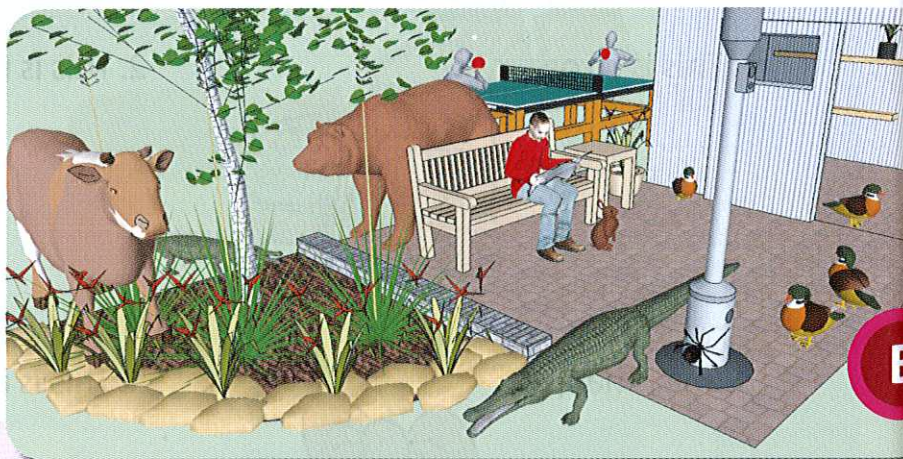
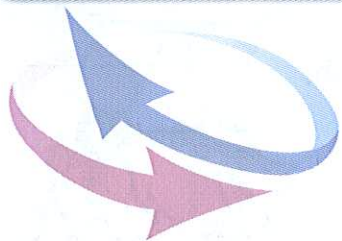
Examples

There are three people in picture A.

..... **yes**

In picture B, there are two crocodiles.

..... **no**



In picture A:

1. The woman is watching TV.
2. The boy is reading a book.
3. There are bottles on the bed.
4. The man is sitting.
5. There are books under the bed.

In picture B:

6. The man is reading a newspaper.
7. There are two cows.
8. The dog is on the chair.
9. There are four ducks.
10. The spider is next to the crocodile.

Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There is one example.

odg



dog

tab



1. _____

gaknaroo



2. _____

sfhi



3. _____

tephlena



4. _____

noli



5. _____

2 Look at the picture and the letters. Write the words. There is one example.

noager

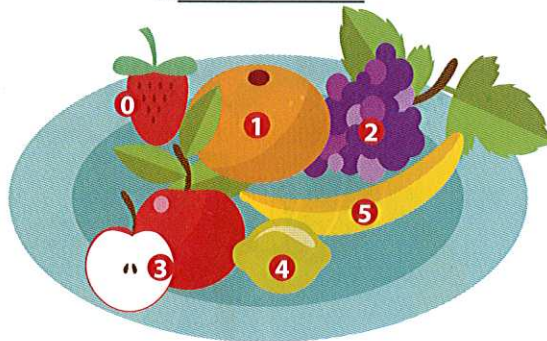
wbstaryerr

0. strawberry

1. _____

gpraes

2. _____



palep

3. _____

lnome

4. _____

abnaan

5. _____

Part 4

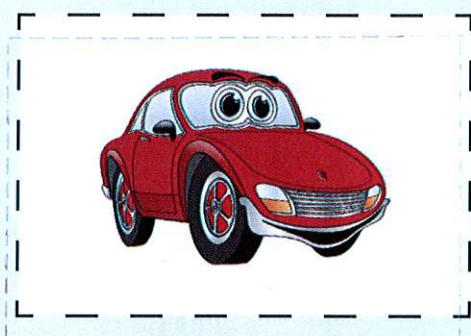
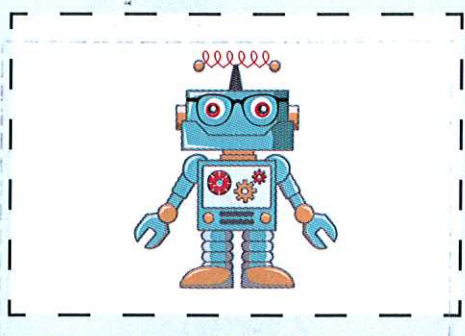
SPEAKING



SCENE CARD

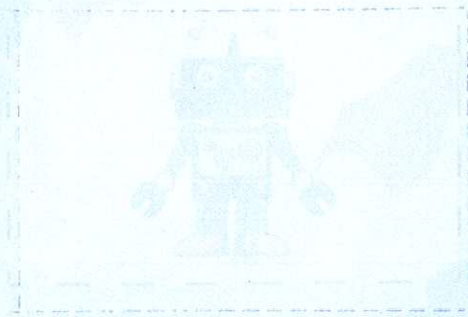
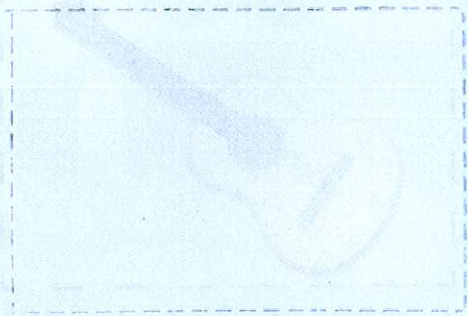


OBJECT CARDS



NAME _____

COLLECT CARDS

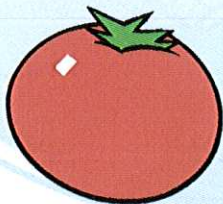
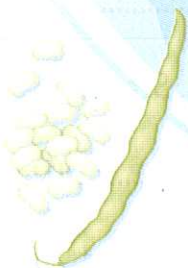
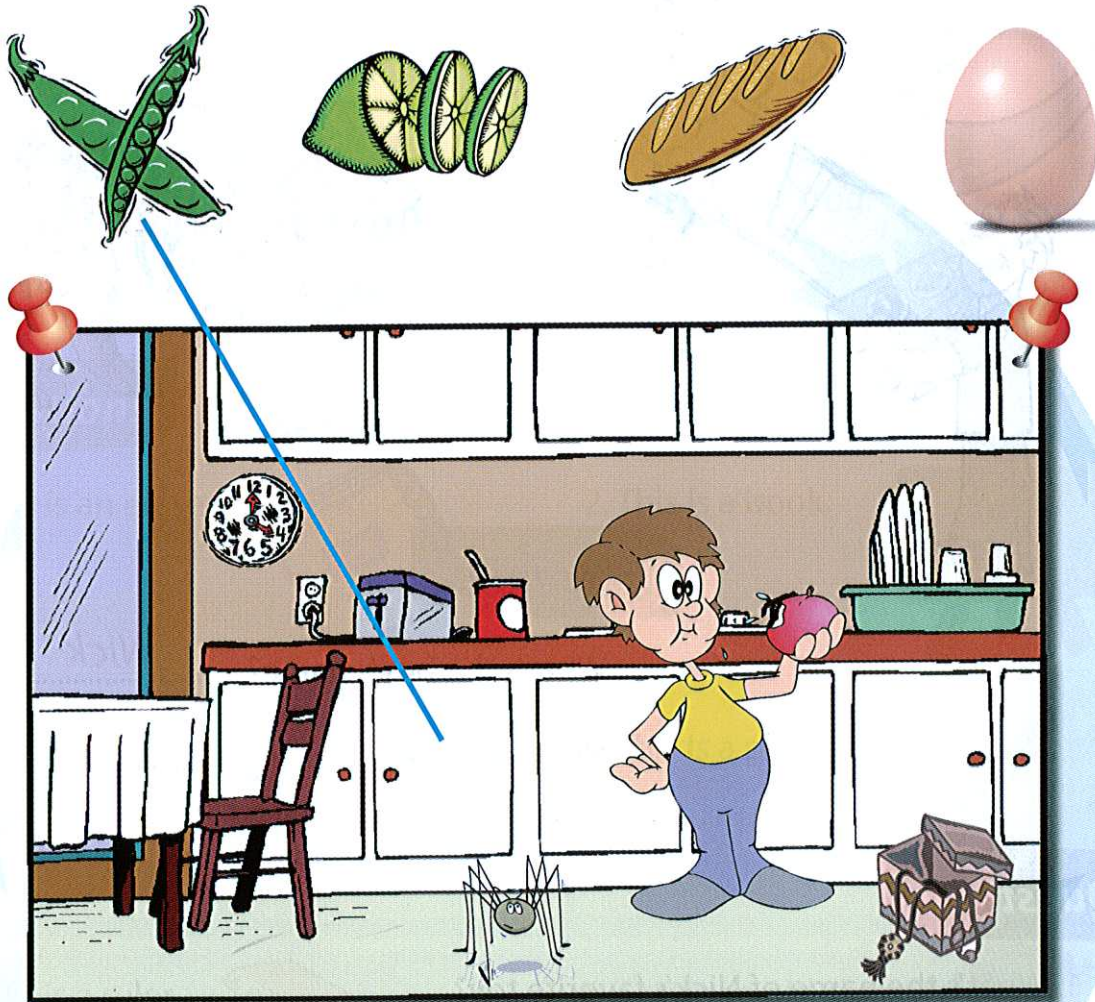


TEST 3 Part 1

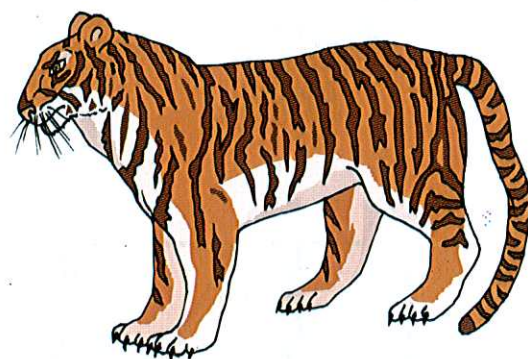
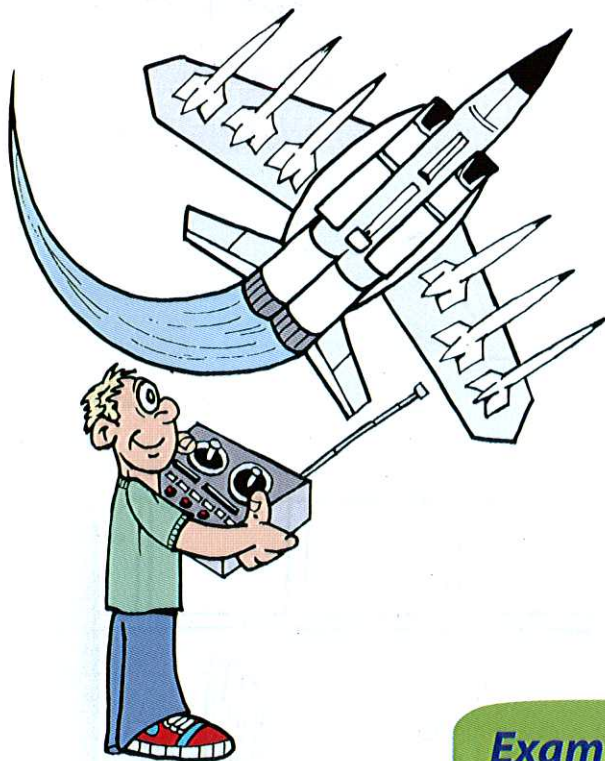
LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2* Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the boy's name? *Nick*

How old is he? *7*

Questions

1. What's the name of Nick's favorite toy?

2. How many planes does he have?

3. Where's his school? In Street

4. How many classes are there in his school?

5. Where's his teacher's house? In Street

Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.

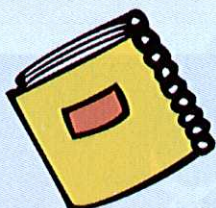


This is an orange frog.

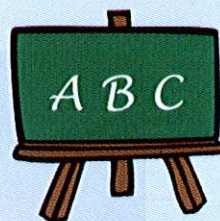


Questions

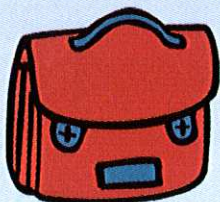
1. This is an eraser.

☐

2. This is a book.

☐

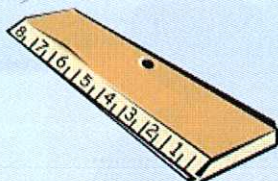
3. This is a bag.

☐

4. This is a pencil.

☐

5. This is a ruler.

☐

6. This is an old chair.

☐

7. This is a pencil case.

☐

2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

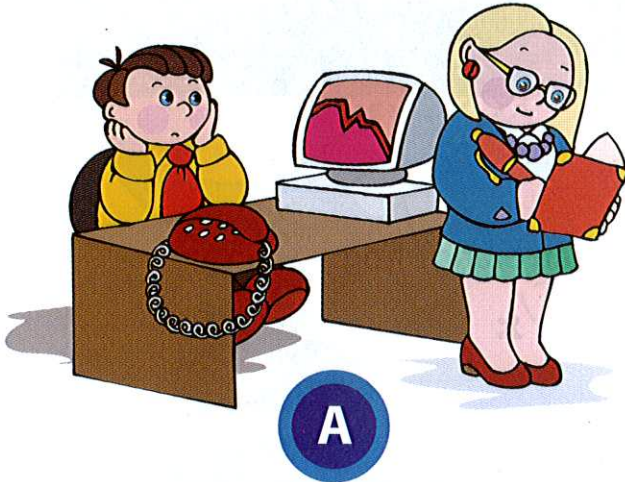
Examples

There is a telephone in picture A.

..... **yes**

In picture B, it is raining.

..... **no**



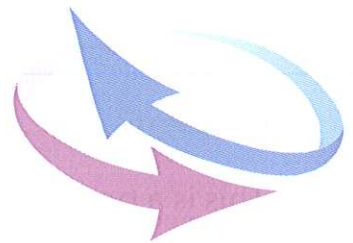
In picture A:

1. The man is sitting on the table.
2. There is a clock.
3. The woman is writing.
4. She wears pants.
5. The computer is on the floor.



In picture B:

6. The dolphins are under the water.
7. There is a boat.
8. The rabbit is in the boat.
9. The rabbit is holding a carrot.
10. There are three birds.



Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There is one example.

asfo



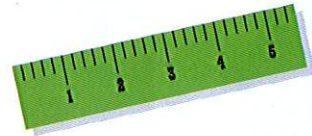
sofa

eipcnl



1. _____

rlreu



2. _____

alpep



3. _____

llab



4. _____

atnir



5. _____

2 Look at the picture and the letters. Write the words. There is one example.

0. pink

i k n
p

l w
l y
e o

3. _____

1. _____

d r
e

r e
e n g

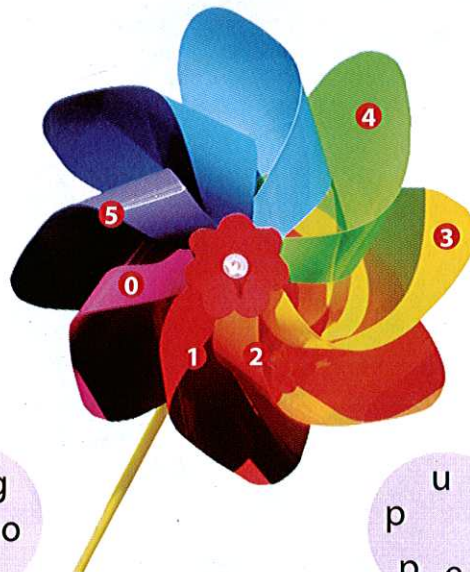
4. _____

2. _____

e g
r o
a n

u
p r
p e l

5. _____



Part 4

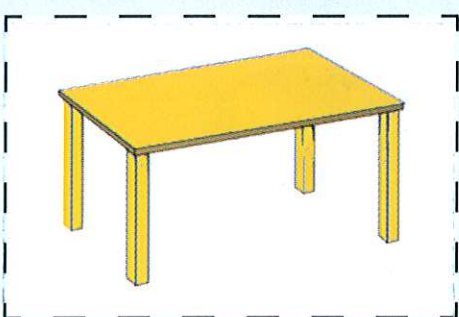
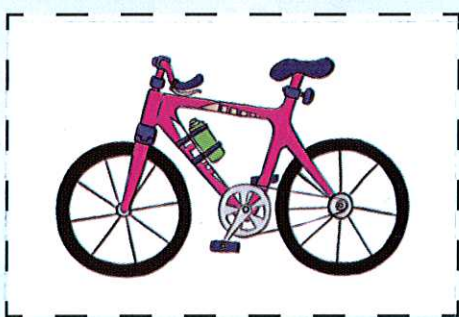
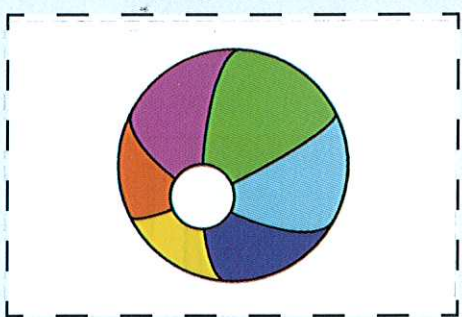
SPEAKING



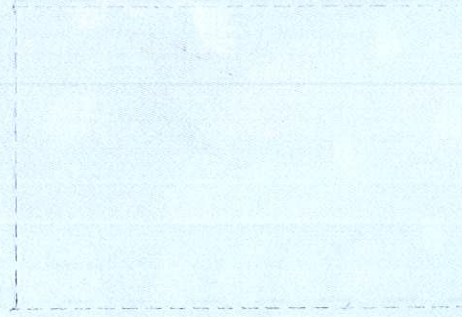
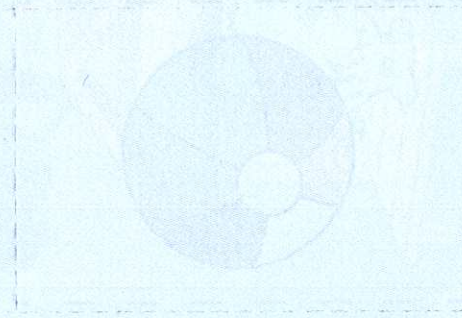
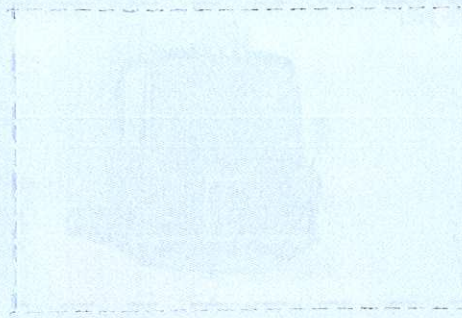
SCENE CARD



OBJECT CARDS



OBJECT CARDS

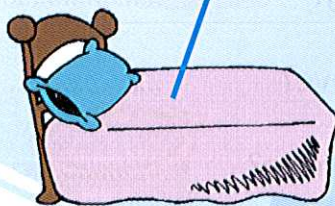
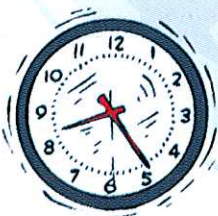
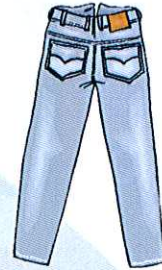
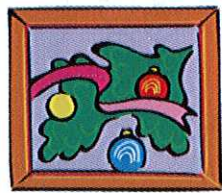


TEST 4 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2*

Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the boy's name?

Tim

.....

How old is he?

19

.....

Questions

1. Where's Tim now?

In Park

2. What's the name of his dog?

.....

3. How many cats does he have?

.....

4. How many books does he have?

.....

5. What's the name of his school?

..... School

Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.

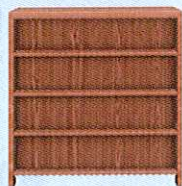


This is an orange frog.

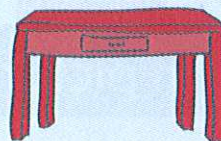


Questions

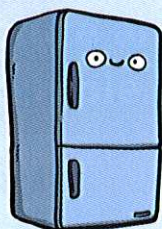
1 This is a table.

☐

2. This is a chair.

☐

3. This is a refrigerator.

☐

4. This is a cupboard.

☐

5. This is a purple cup.

☐

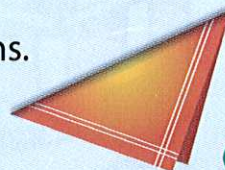
6. These are bowls.

☐

7. This is a pot.

☐

8. These are napkins.

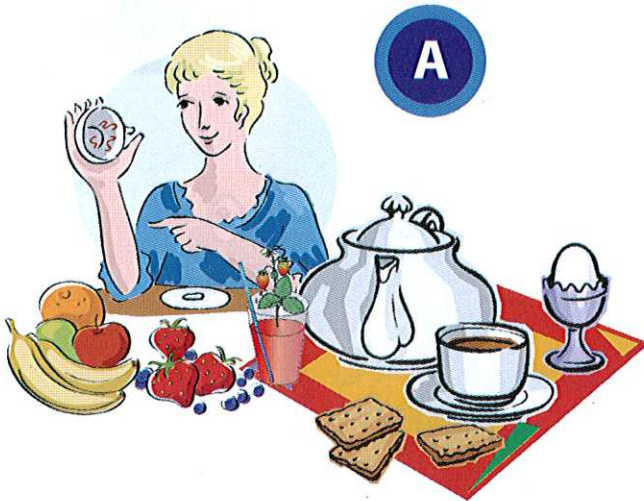
☐

2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

Examples

There are two bananas in picture A. **yes**

In picture B, there are three clouds. **no**

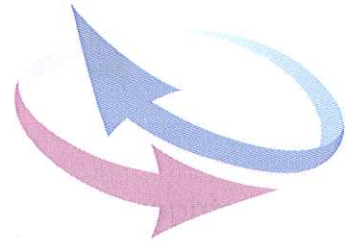


In picture A:

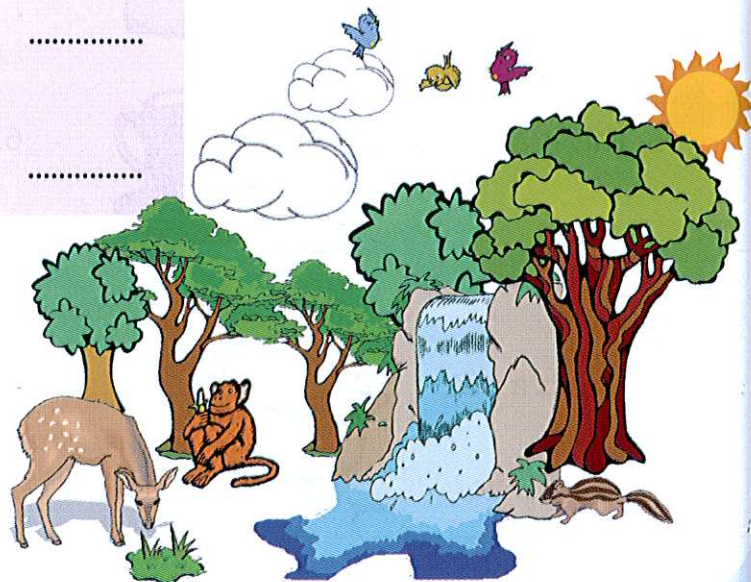
1. There are three cookies.
2. There are two apples.
3. There is an egg.
4. The bananas are in front of the teacup.
5. The girl is drinking tea.

In picture B:

6. It is rainy.
7. There are three birds.
8. The deer is drinking water.
9. The squirrel is in the tree.
10. The monkey is eating a banana.



B



Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There is one example.

asfo



sofa

dgo



1. _____

pnada



2. _____

getir



3. _____

rshoe



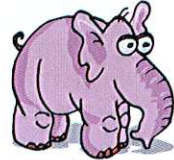
4. _____

atn



5. _____

phanelet



6. _____

2 Look at the picture and the letters. Write the words. There is one example.

cpa

0. cap

lmap

1. _____

bkoos

2. _____

xob

3. _____

dllo

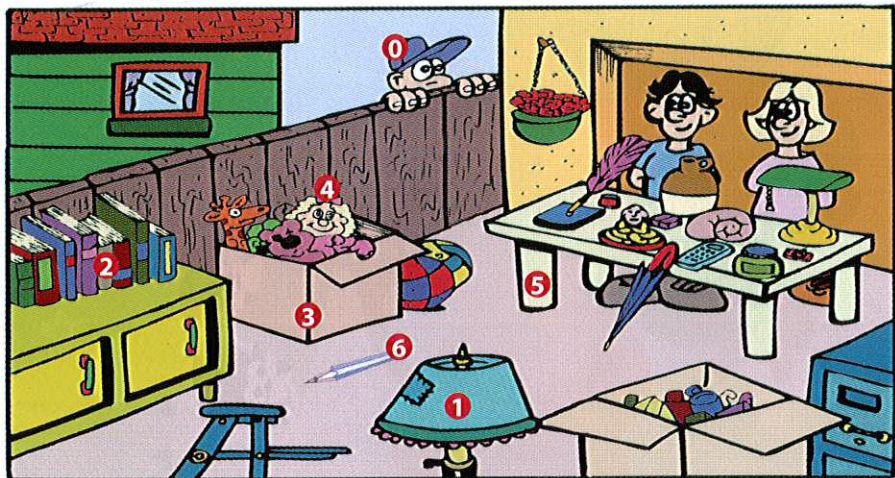
4. _____

tblea

5. _____

enpcli

6. _____



Part 4

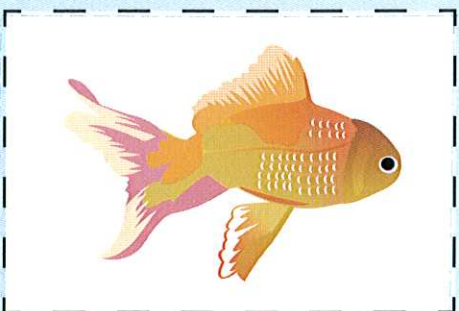
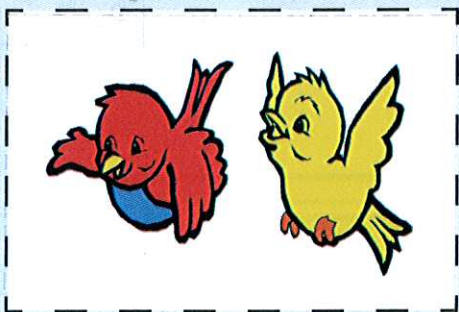
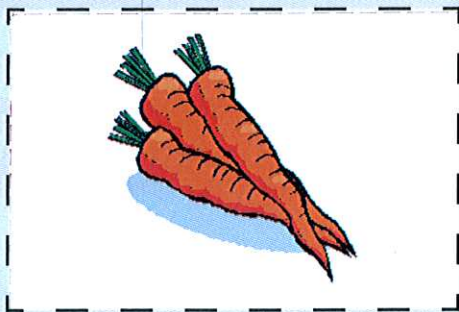
SPEAKING



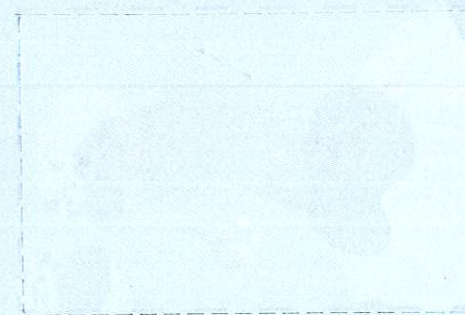
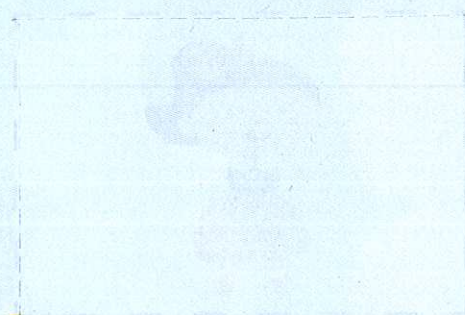
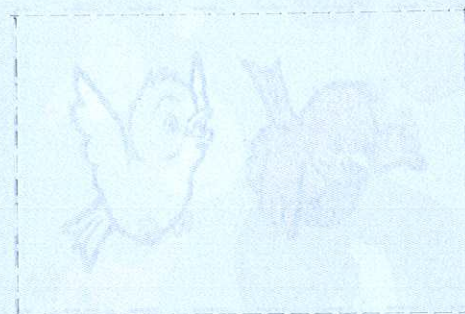
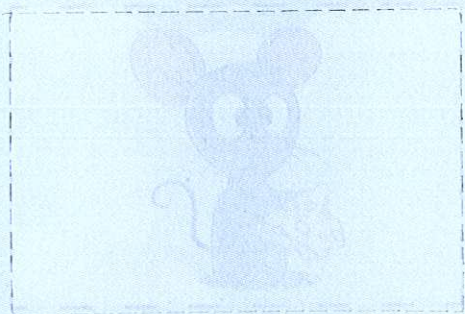
SCENE CARD



OBJECT CARDS



CUTTING OBJECT CARDS

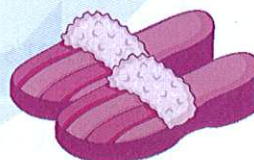
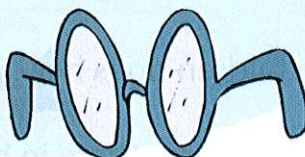
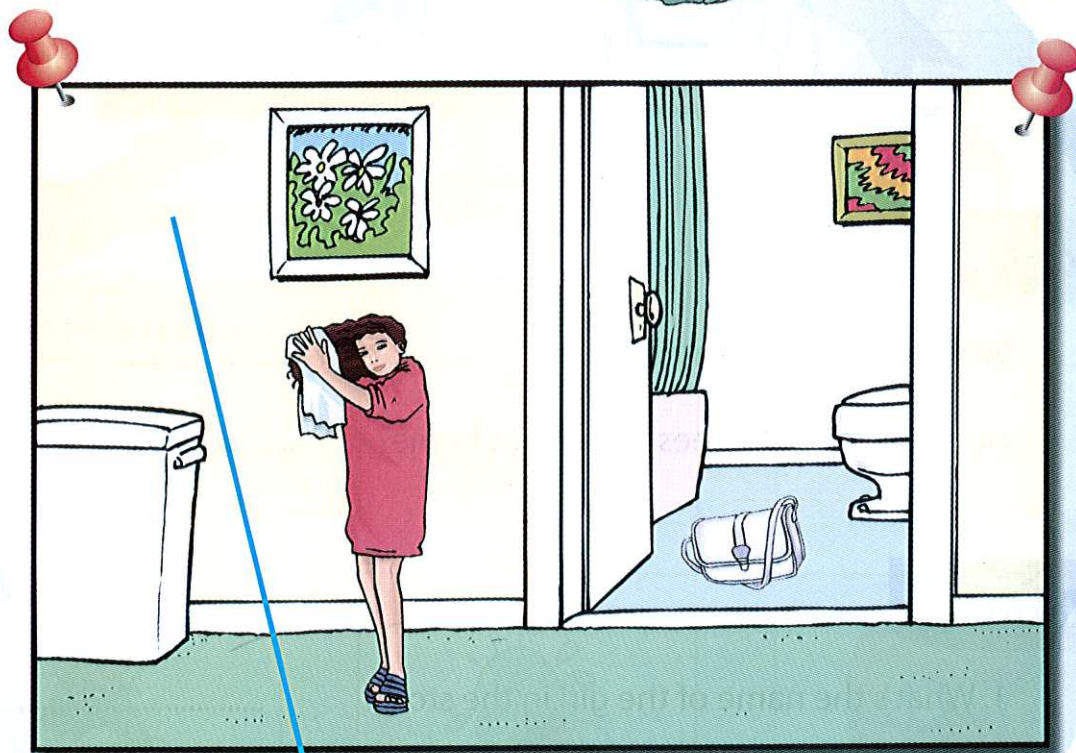
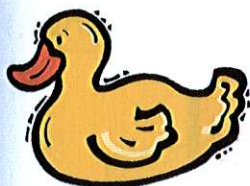


TEST 5 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2 Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the boy's name?

Sam

How many books does he have at home?

24

Questions

1. What's the name of the girl in the story?

.....

2. How old is she?

.....

3. What's the name of her grandma?

Mrs.

4. How many children does her grandma have?

5. How many rooms are there in her house?

.....

3 Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Example

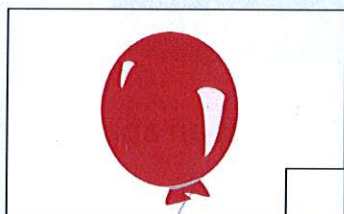
How does Tim feel?



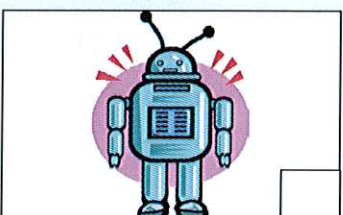
1. What color is the pencil?



2. What does John have?



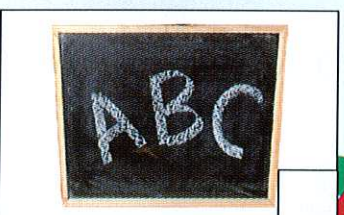
3. What does Kim have?



4. How does Sue feel now?



5. What is it?



Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.



This is an orange frog.



Questions

1. This is an apple.

☐

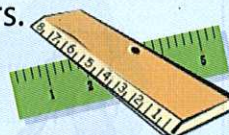

2. This is a doctor.

☐


3. She has two daughters.

☐


4. These are two rulers.

☐


5. This is a cat.

☐


6. This is a teacher.

☐


7. This is a cup.

☐


8. The umbrella is red.

☐


9. Two bananas are green.

☐


10. He's running.

☐


2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

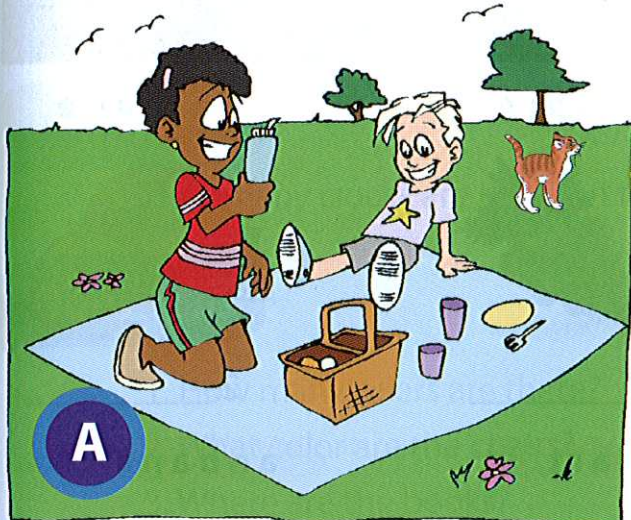
Examples

We can see a cat in picture A.

..... **yes**

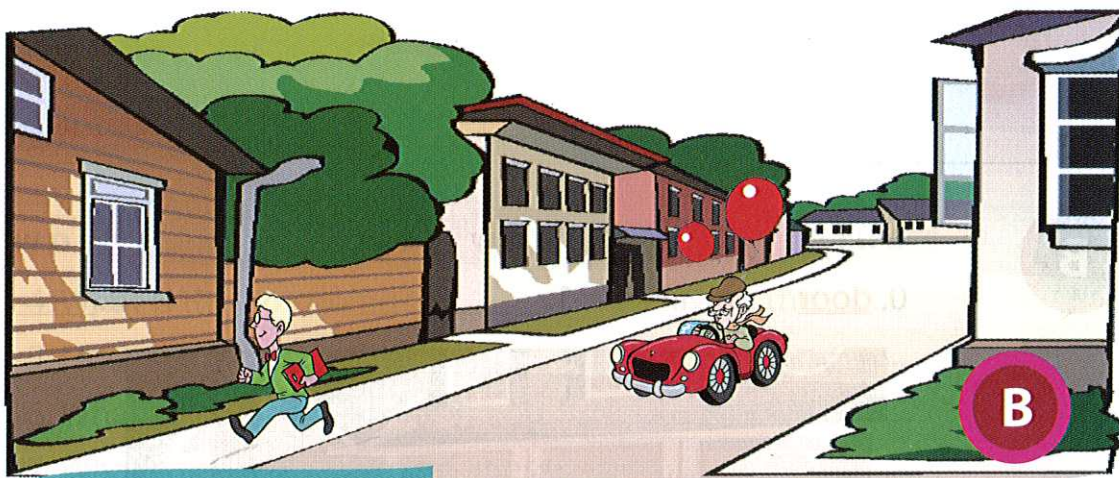
In picture B, the car is orange.

..... **no**



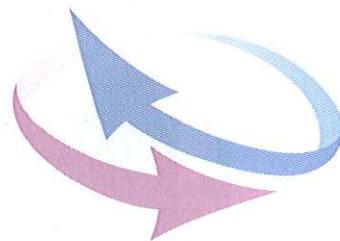
In picture A:

1. The boy is sitting.
2. They are on a beach.
3. There are two trees.
4. There is a dog.
5. There are three cups.



In picture B:

6. The man is swimming.
7. There are some flowers.
8. The old man is driving a car.
9. There is an elephant.
10. There are two balloons.



Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There are two examples.

A

aplep



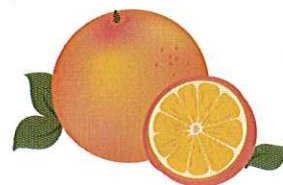
apple

gsapre



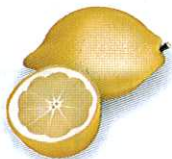
1. _____

organe



2. _____

leomn



3. _____

rocart



4. _____

anbana



5. _____

B

odro

0. door

nwidow

1. _____

lowfer

2. _____



rca

3. _____

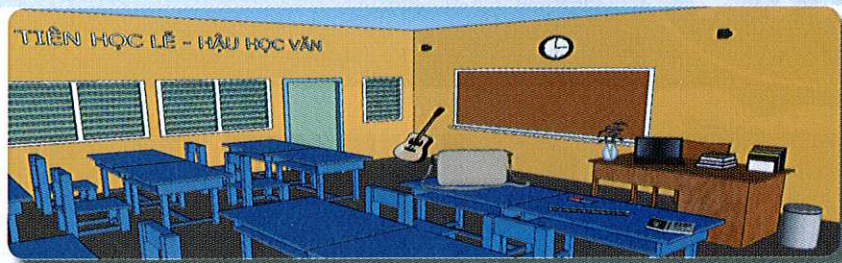
bciclye

4. _____

rete

5. _____

2 Look at the pictures and read the questions. Write one-word answer. There is one example.



Example

How many clocks are there on the wall?

One
..... clock

Questions

1. How many rulers are there?

.....

2. What color are the chairs?

.....

3. Where are the books?

On the



4. What is the boy doing?

Playing the

5. How many guitars are there?

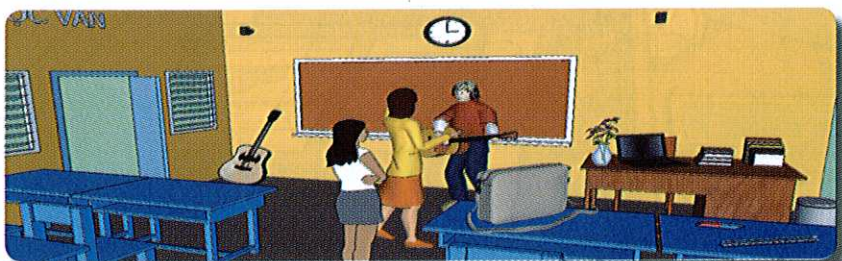
.....

6. What color is the bag on the desk?

.....

7. What color is the woman's dress?

.....



8. What time is it?

..... o'clock

9. How many girls are there?

.....

10. What color is the board?

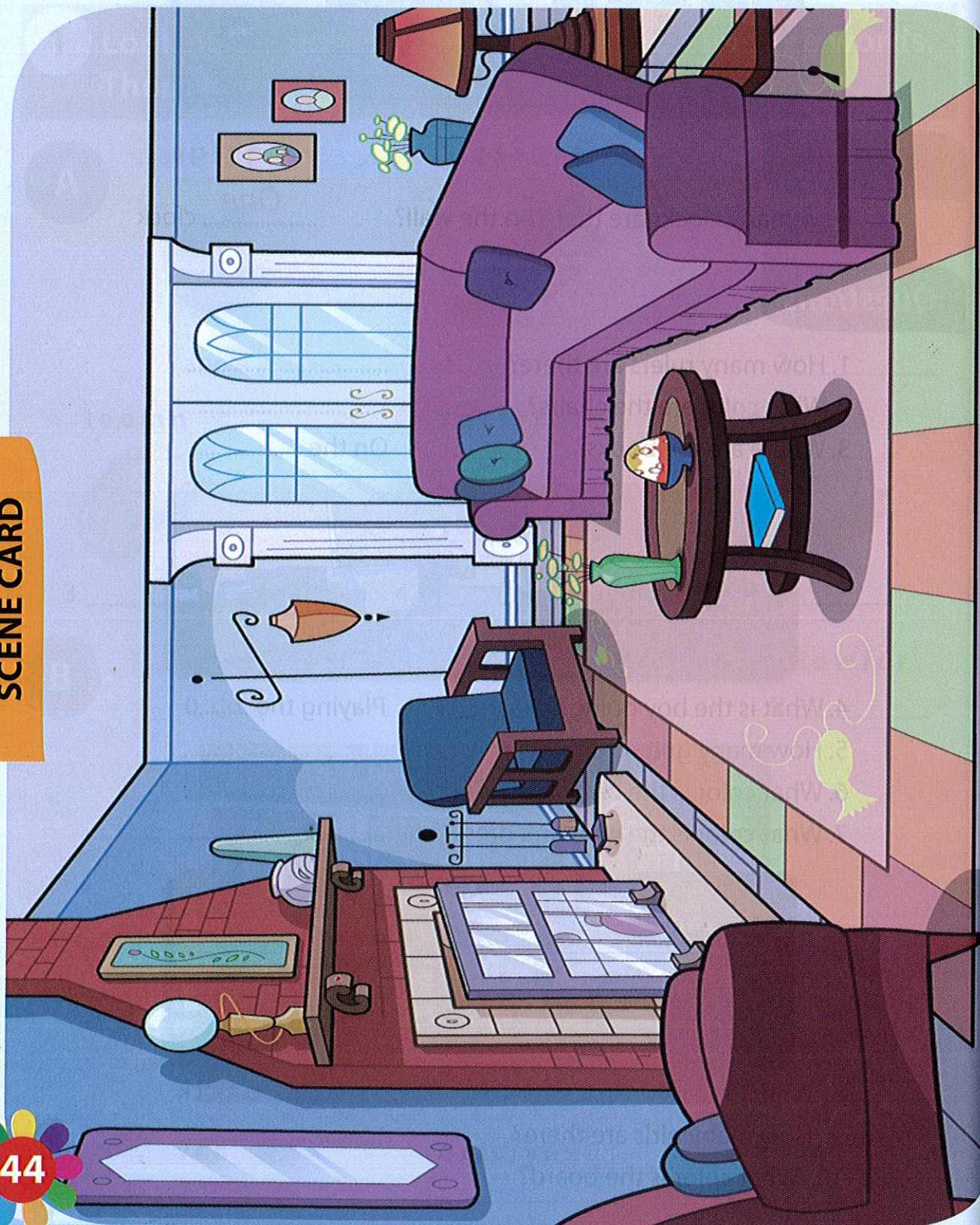
.....

Part 4

SPEAKING



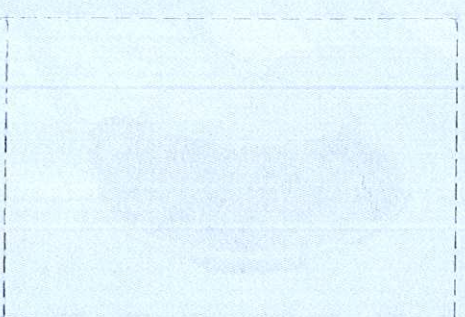
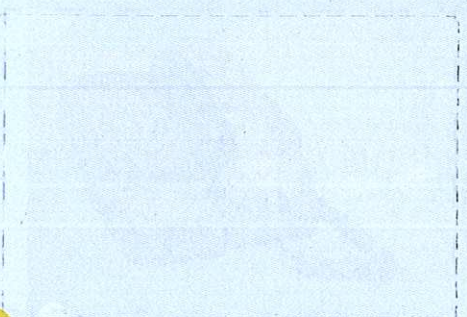
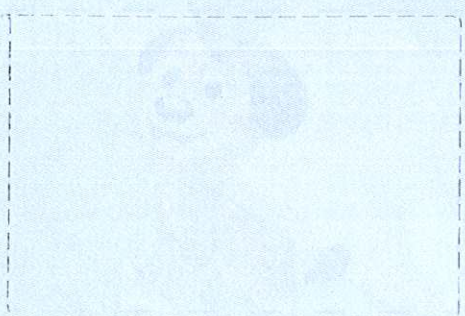
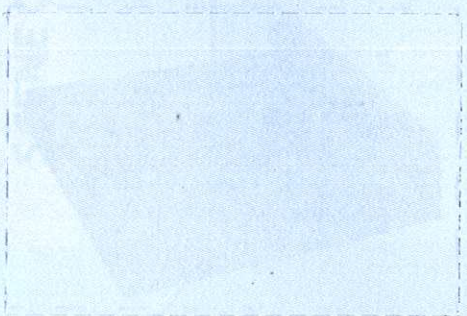
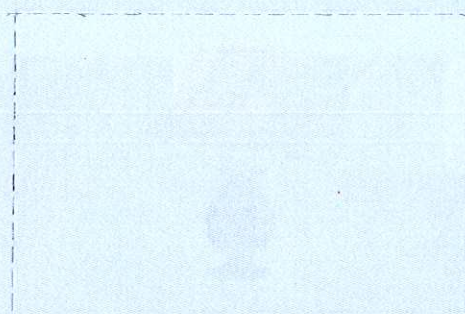
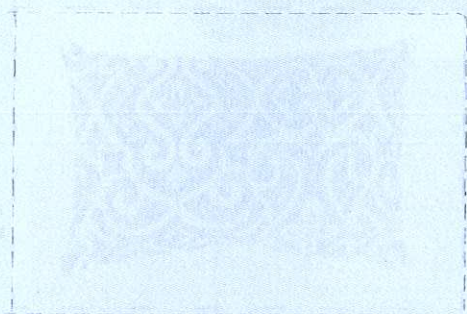
SCENE CARD



OBJECT CARDS



DIY OBJECT CARDS

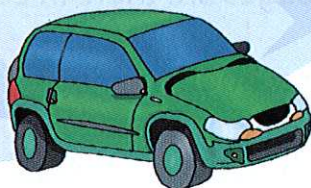
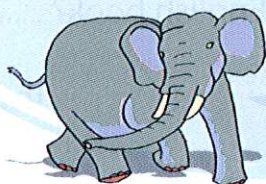
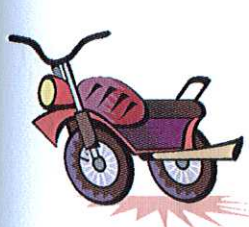


TEST 6 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2 Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the name of Lucy's school?

Sea School

What's Lucy's class number?

17

Questions

1. Who sits next to Lucy at school?

.....

2. What's the name of Lucy's English teacher?

Mrs.

3. How many pages are there in Lucy's English book?

.....

4. Where is her school?

In Street

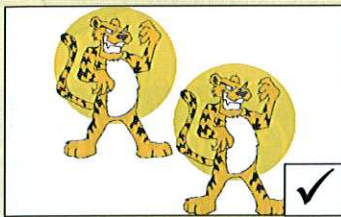
5. How many students are there in her class?

.....

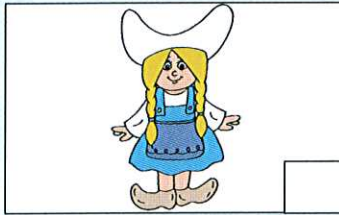
3 Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Example

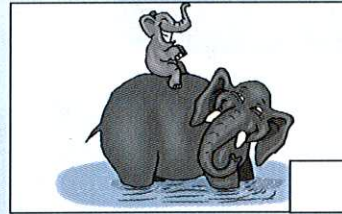
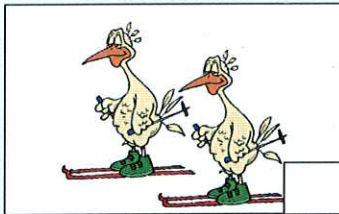
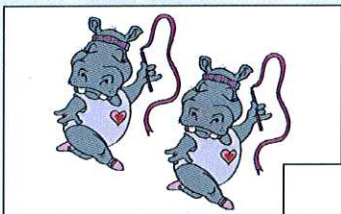
What are they?



1. How does he feel?



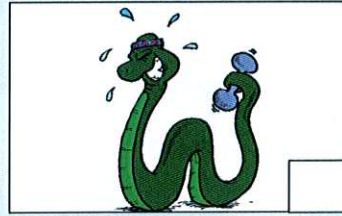
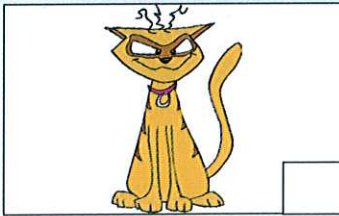
2. What are they?



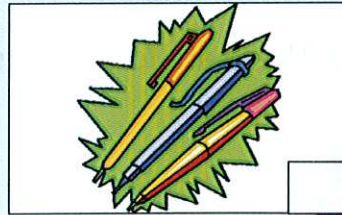
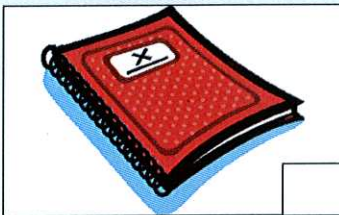
3. What does Kim have?



4. What pet does Sue have now?



5. What is in Anna's bag?



Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.

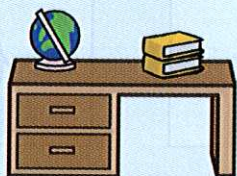


This is an orange frog.



Questions

1. This is a desk.

☐


2. This is a teacher.

☐

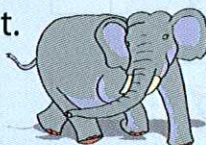

3. He is angry.

☐


4. These are two pears.

☐


5. This is a grey elephant.

☐


6. This is a radio.

☐


7. This is a belt.

☐


8. This is a cow.

☐


9. These are four books.

☐


10. This is a zebra.

☐


2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

Examples

In picture A, there are three people.

..... **yes**

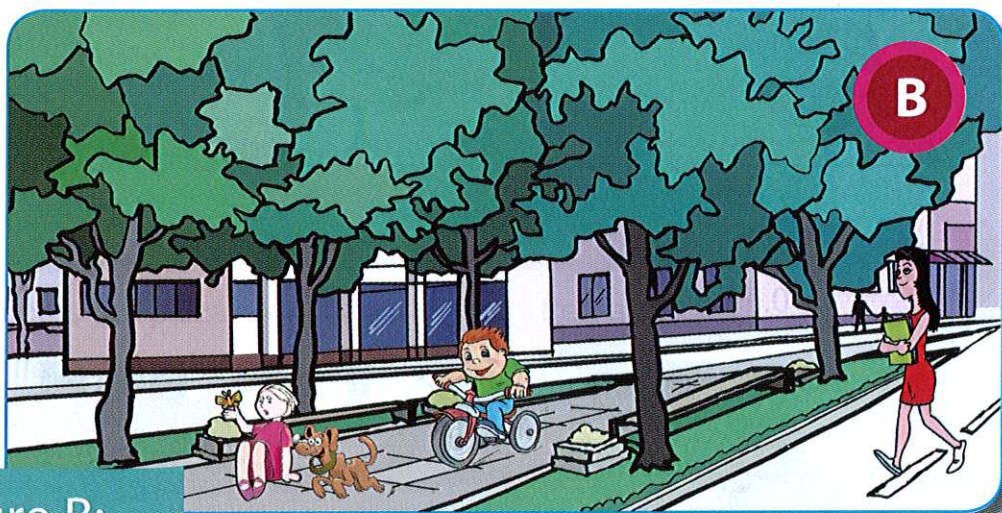
We can see flowers in picture B.

..... **no**



In picture A:

1. There are two people.
2. The man is holding a glove.
3. They have a box.
4. The woman is reading a book.
5. The girl has short hair.



In picture B:

6. The boy is riding a bike.
7. There is a car.
8. The girl is standing.
9. The boy is wearing a hat.
10. The dog is running.



Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There are two examples.

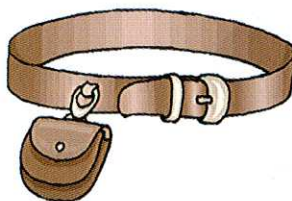
A

tshir



shirt

btle



1. _____

tjacke



2. _____

redss



3. _____

shseo



4. _____

westera



5. _____

B

fthaer

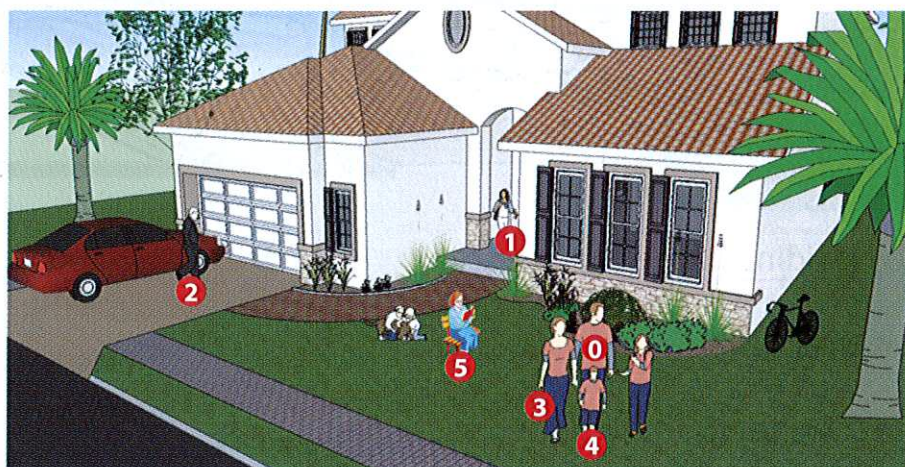
0. father

unat

1. _____

pgrnada

2. _____



mrhote

3. _____

rortbhe

4. _____

rmgaadn

5. _____

2 Look at the pictures and read the questions. Write one-word answer. There is one example.



Example

What color is the table?

Grey

Questions

1. Is the table round or rectangle?

.....

2. How many hamburgers are there?

.....

3. How many cupcakes are there?

.....



4. What color is the pizza?

Red and

5. Is the knife next to the cake or the pizza?

Next to the

6. Where are the sandwiches?

..... the plate



7. How many cups are there now?

.....

8. What colors are the empty plates?

.....

9. What's on the purple plate?

An

10. Is this a kitchen or a living room?

A

Part 4

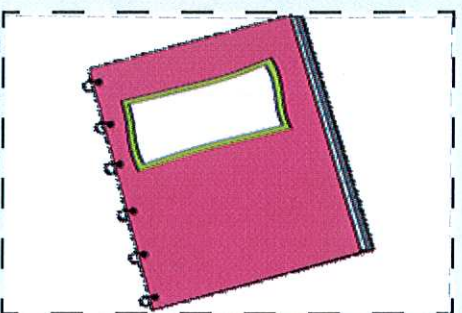
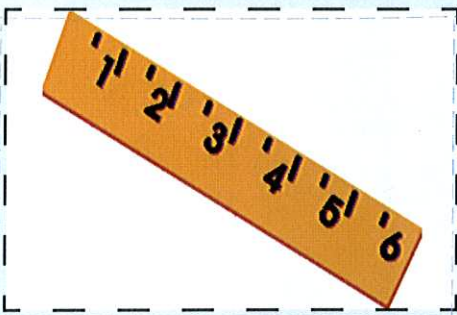
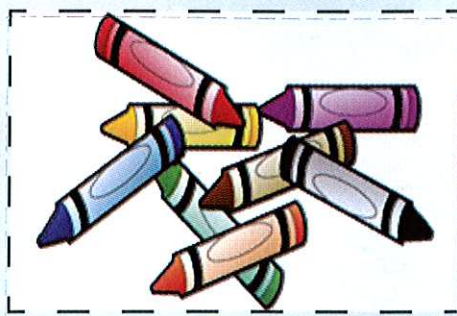
SPEAKING



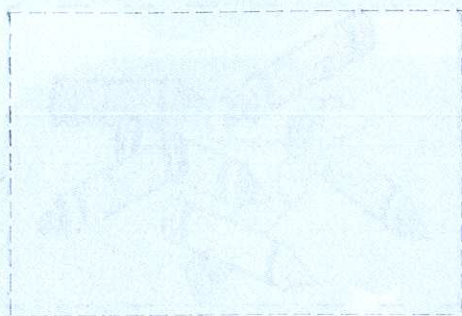
SCENE CARD



OBJECT CARDS



OBJECT CARDS

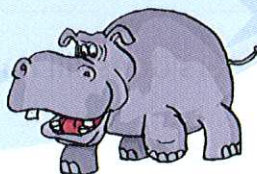
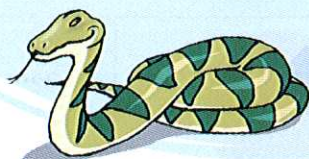
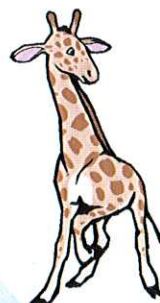
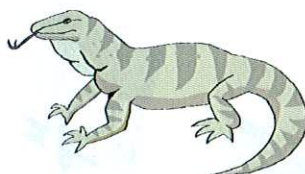
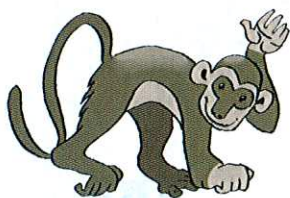
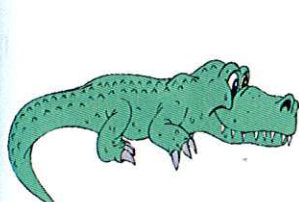


TEST 7 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2 Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the boy's name?

Jill

What's the number of his house?

25

Questions

1. How many mice does Jill have?

.....

2. What's the name of his favorite mouse?

.....

3. What's his friend's name?

.....

4. How many sisters does Jill have?

.....

5. How old are his sisters?

.....

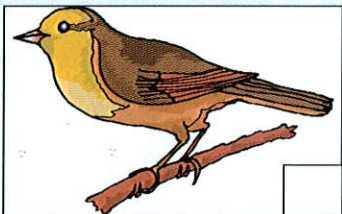
3 Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Example

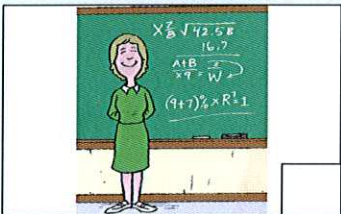
Who is he?



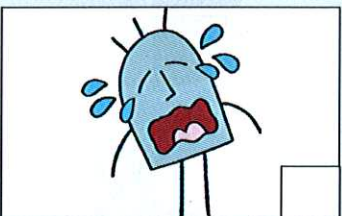
1. What does Mimi have?



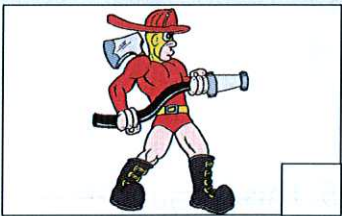
2. Who is she?



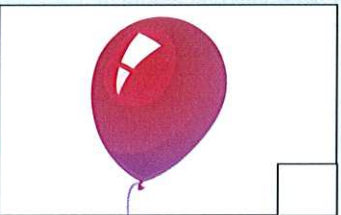
3. How does he feel?



4. Who is he?



5. What is in the desk?



Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (x) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.



This is an orange frog.



Questions

1. This is a skirt.



2. This is a T-shirt.



3. These are boots.



4. These are shoes.



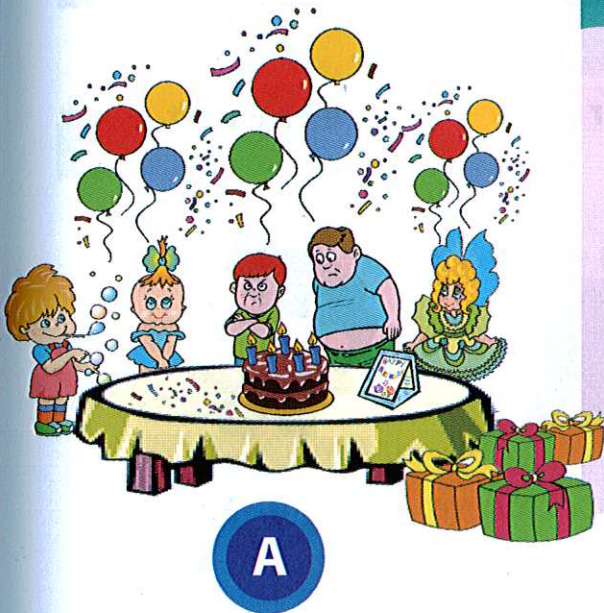
5. This is a jacket.



Examples

There are three green balloons in picture A. *yes*

In picture B, there are a lot of children. *no*

**In picture A:**

1. The fat boy is eating the cake.
2. The girl in the green dress is blowing bubbles.
3. The boy in the green shirt isn't happy.
4. There are five candles on the cake.
5. The presents are on the table.

In picture B:

6. There are six tables.
7. There are 13 people.
8. The waiter in the red tie is between the two women.
9. The woman in the red shirt has black hair.
10. The woman in the grey dress is holding a candle.

**B**

Part 3

WRITING



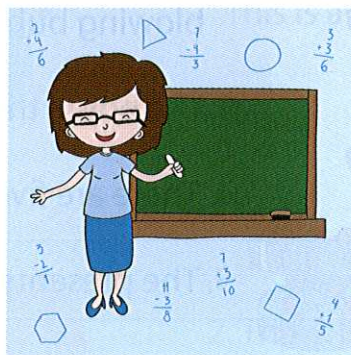
1 Look at the pictures and the letters. Write the words. There is one example.

asfo



sofa

chtaeer



1. _____

etsundt



2. _____

tev



3. _____

dbelrui



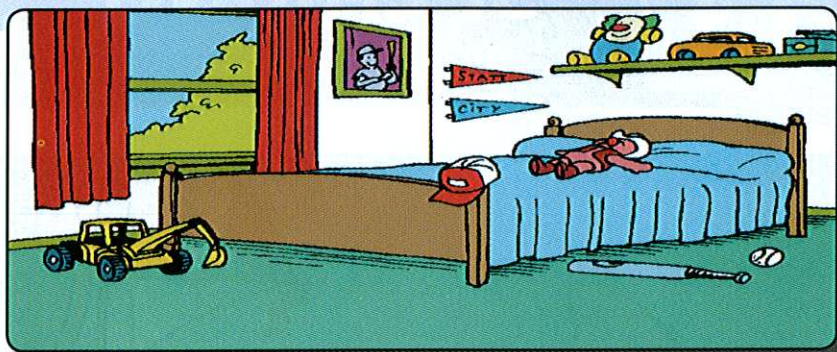
4. _____

tdcoor



5. _____

2 Look at the pictures and read the questions. Write one-word answer. There are two examples.



Examples

Where is the hat?

On the *bed*

How many beds are there?

..... *One* bed

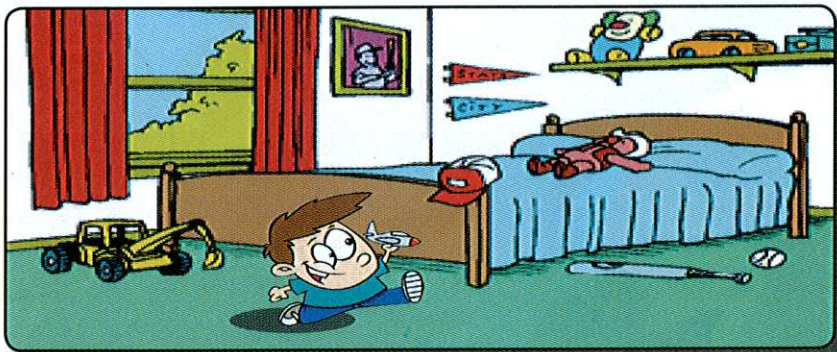
Questions

1. Where is the car?

..... the shelf

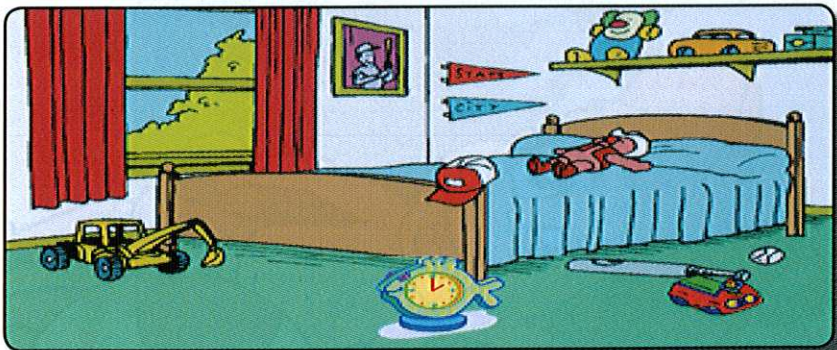
2. How many toys are there on the floor?

..... toys



3. What is the boy playing with?

A



4. What time is it?

..... o'clock

5. Is this a bedroom or a bathroom?

A

Part 4

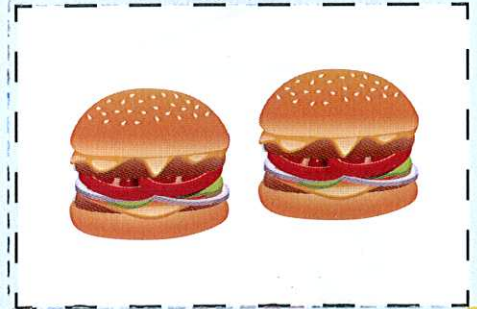
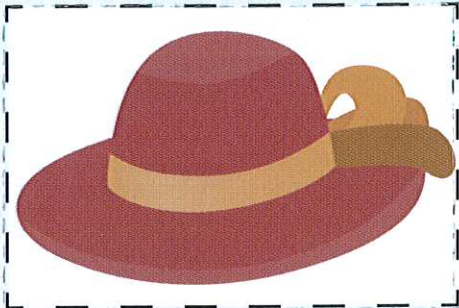
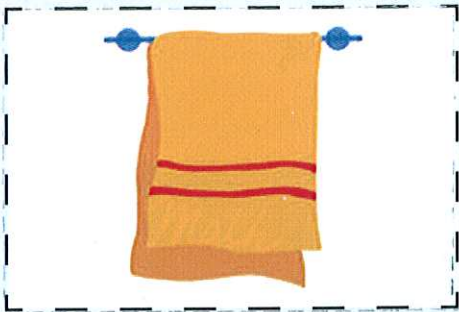
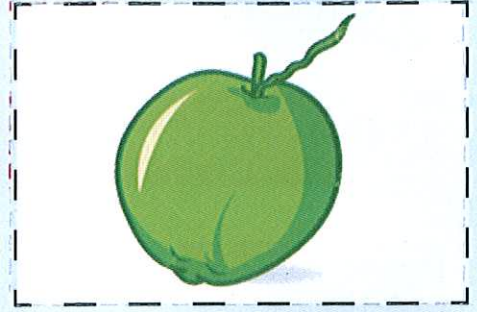
SPEAKING



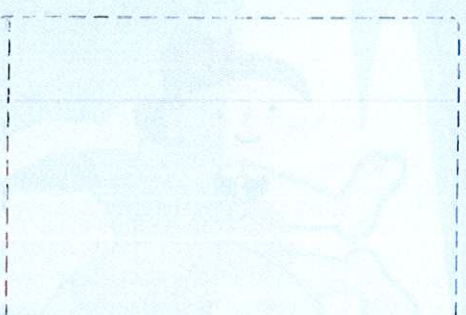
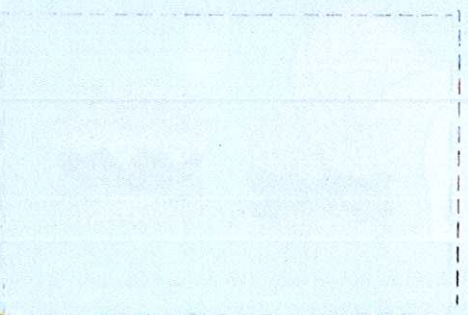
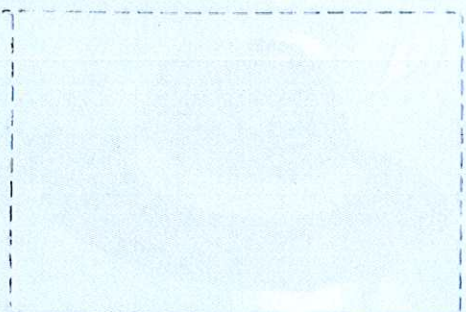
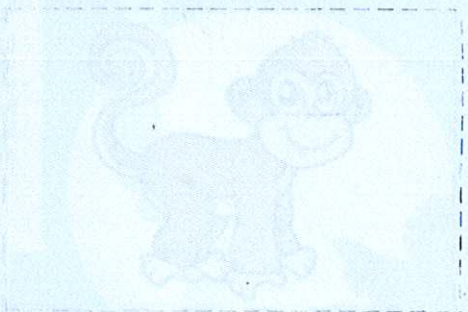
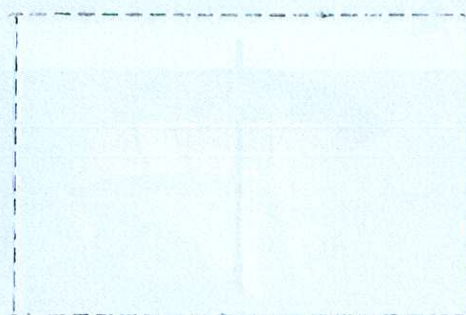
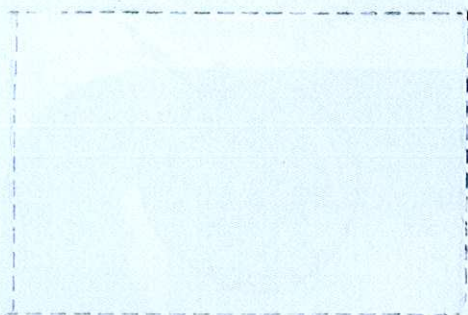
SCENE CARD



OBJECT CARDS



COLLECTING CARDS

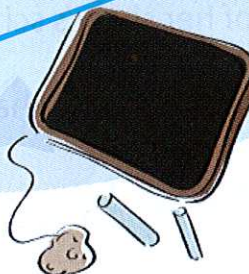
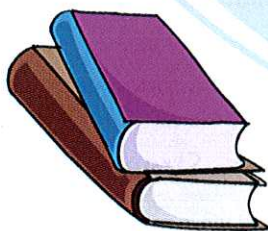
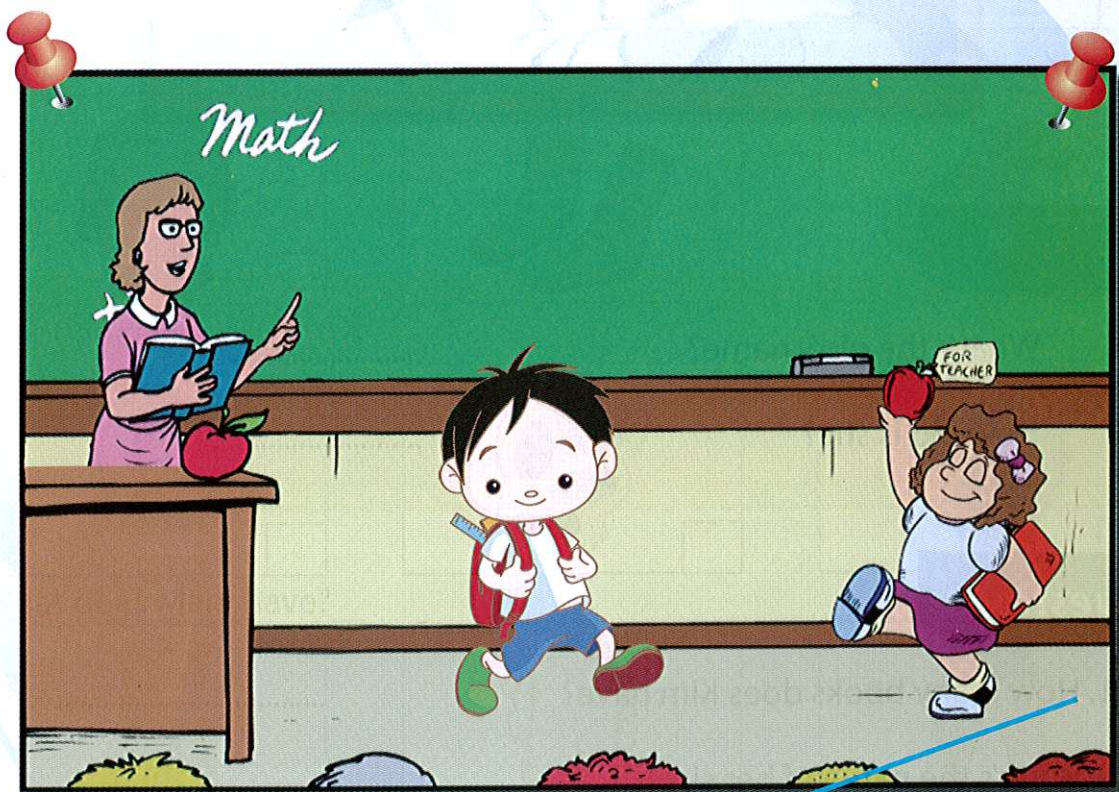
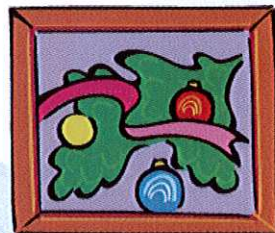
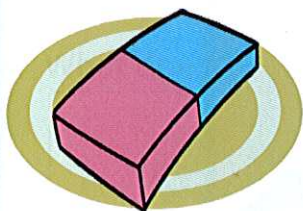


TEST 8 Part 1

LISTENING



1 Listen and draw lines. There is one example.



2 Read the questions. Listen and write a name or a number.
There are two examples.



Examples

What's the girl's name?

Kim

How old is she?

16

Questions

1. How many books does Kim have?

.....

2. What's the name of her sister?

.....

3. What's the name of her sister's school?

.....

4. How many dolls does her sister have?

.....

5. Where's Kim's house?

In Street

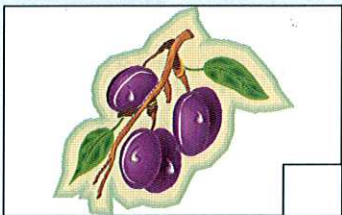
3 Listen and tick (✓) the box. There is one example.

Example

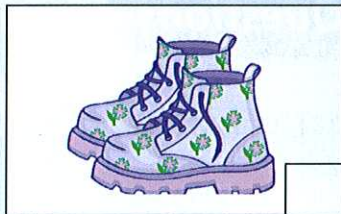
What is it?



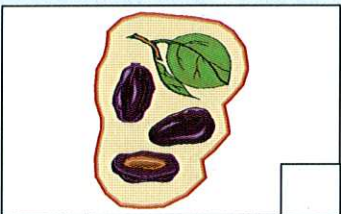
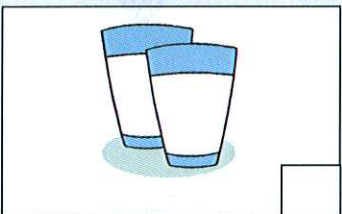
1. What does Sue like?



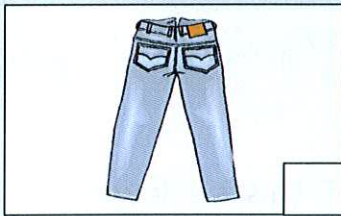
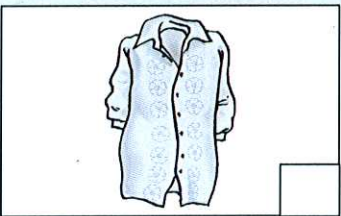
2. What does Peter have?



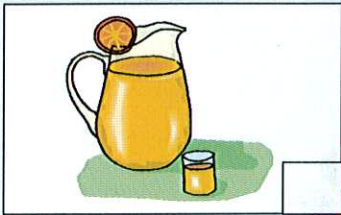
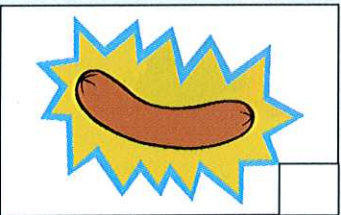
3. What does Tom like?



4. What does Mary have?



5. What does Tony want?



Part 2

READING



1 Look and read. Put a tick (✓) or a cross (✗) in the box. There are two examples.

Examples

This is a chair.

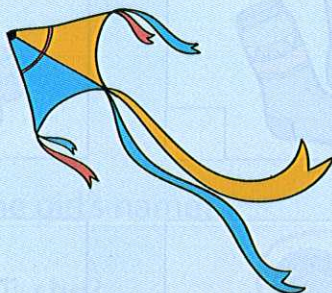


This is an orange frog.



Questions

1. This is a kite.



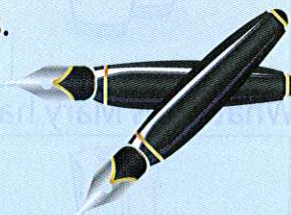
2. This is a book.



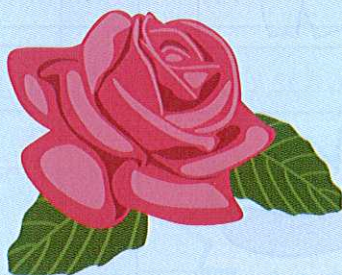
3. These are dogs.



4. These are pens.



5. This is a flower.



2 Look and read. Write **yes** or **no**. There are two examples.

Examples

In picture A, there is a blue tent.

yes

There's a car on the street in picture B.

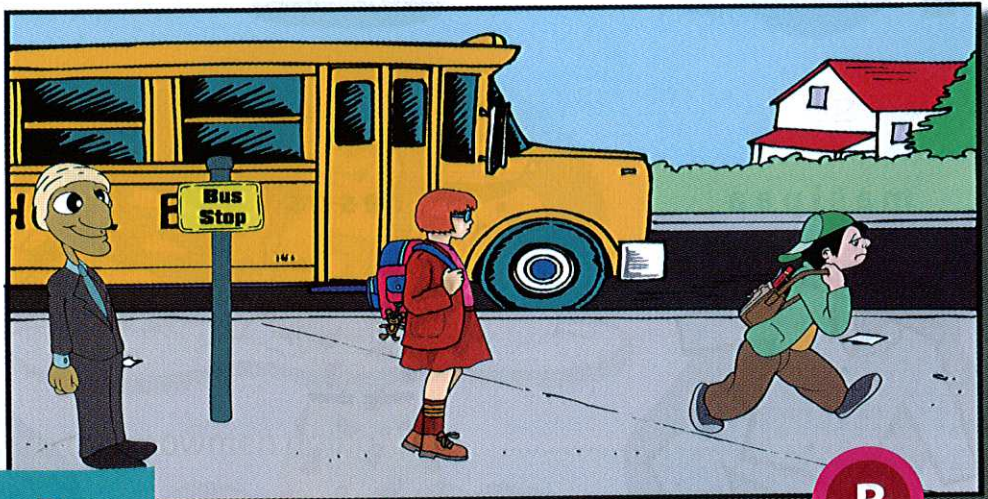
no

A



In picture A:

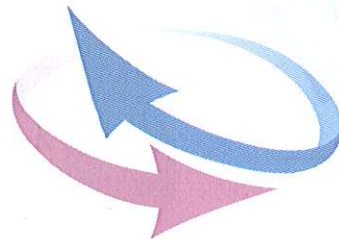
1. There are two people.
2. The tent is in front of them.
3. The bag is purple.
4. The woman is wearing sneakers.
5. The man is holding a pot.



B

In picture B:

6. The boy is happy.
7. The man is wearing a suit.
8. There is a bus.
9. The girl is wearing glasses.
10. There are four people.



Part 3

WRITING



1 Look at the pictures and the letters. Write the words.
There is one example.

thirs



shirt

kirts



1. _____

tsi-rTh



2. _____

masjpaa



3. _____

resds



4. _____

kocss



5. _____

2 Look at the pictures and read the questions. Write one-word answer. There are two examples.



Examples

How many women are there?

Two

What color is the man's hair?

Grey

Questions

1. What is the man carrying?

A

2. How many people are there?

..... people



3. What are the snowmen doing?

.....



4. How many boxes are there?

..... boxes

5. What color is the computer?

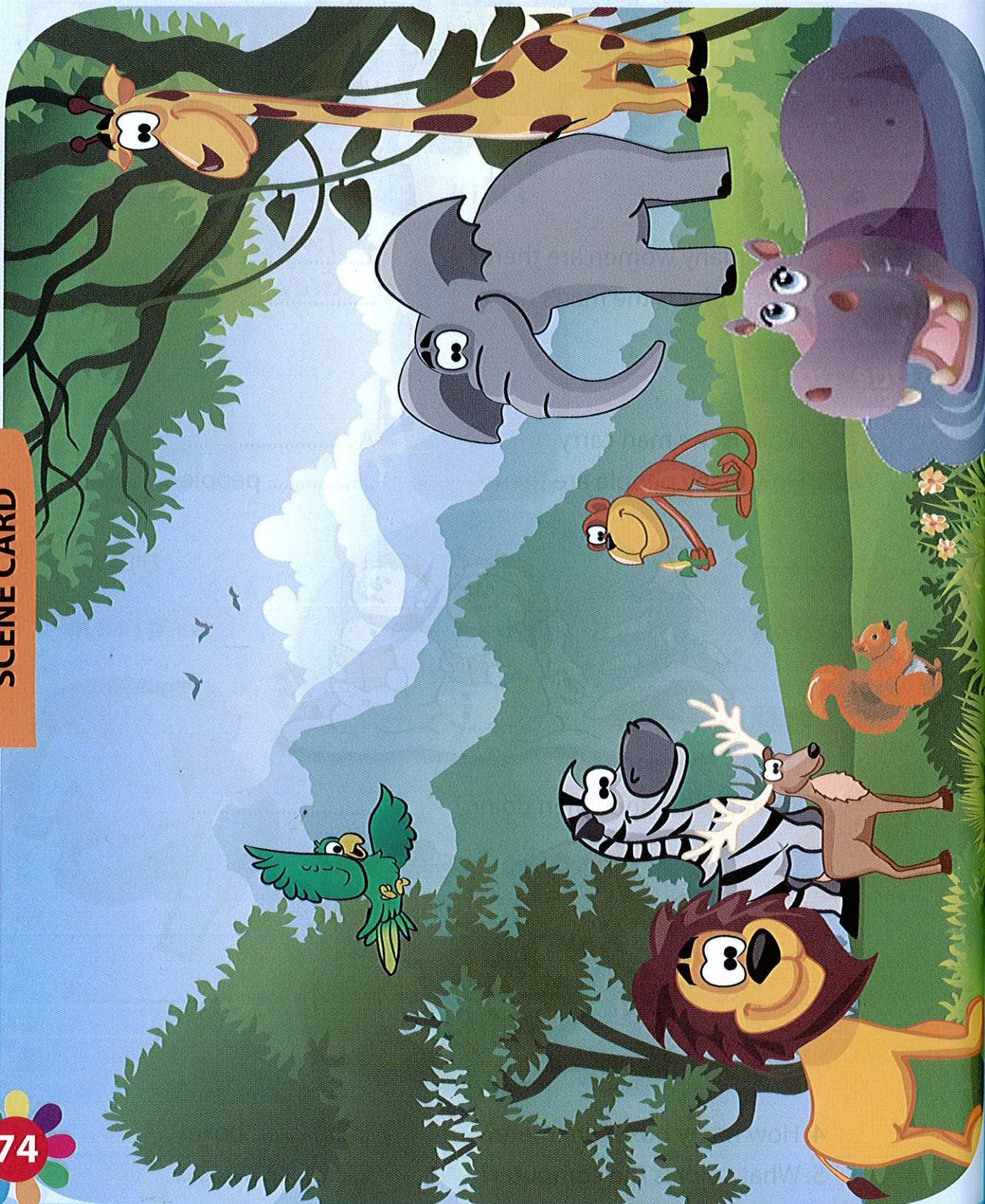
.....

Part 4

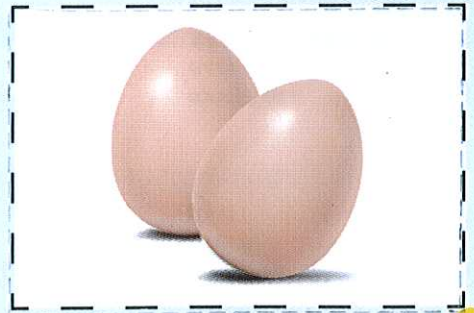
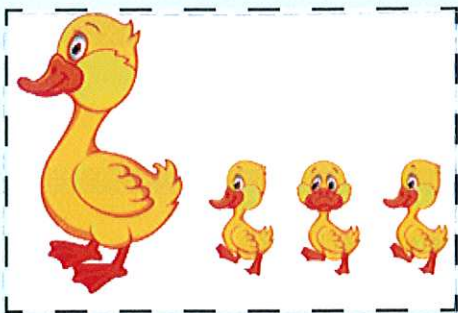
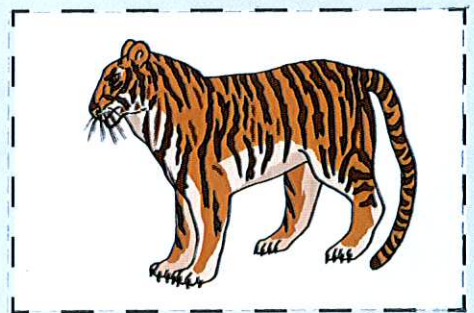
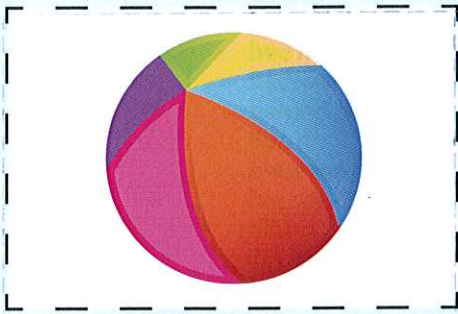
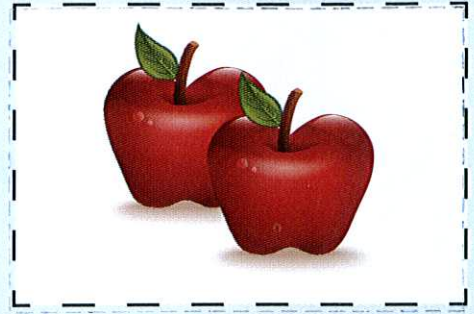
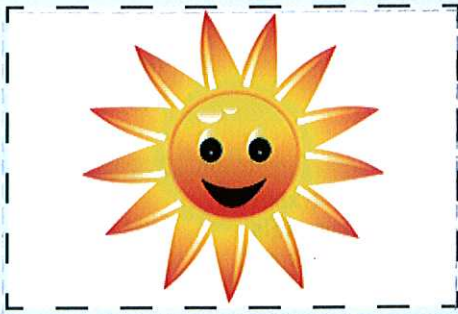
SPEAKING



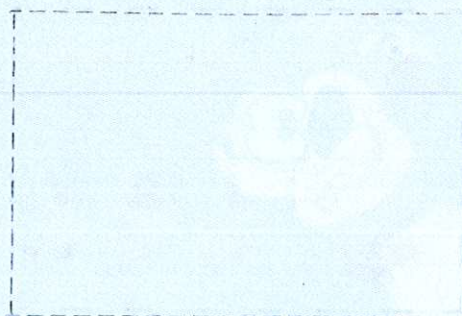
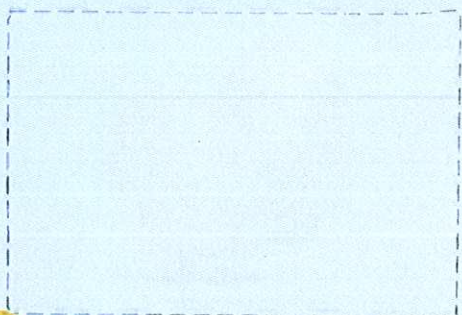
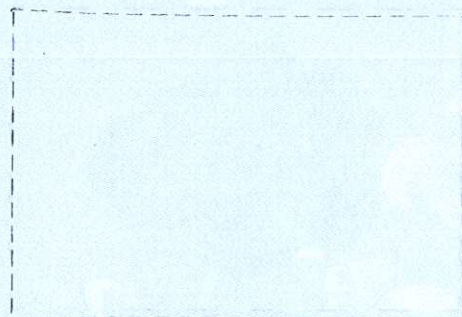
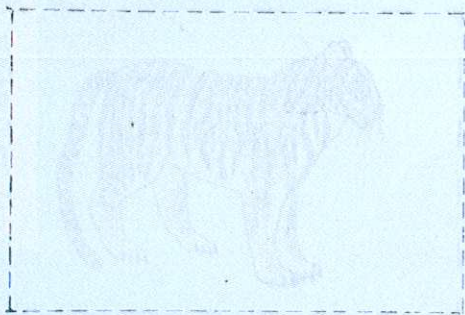
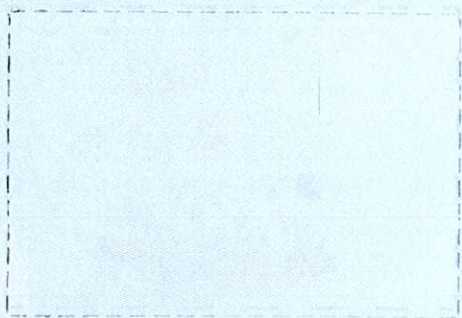
SCENE CARD



OBJECT CARDS



OBJECT CARDS



ALPHABETIC VOCABULARY LIST

Grammatical Key

<i>adj</i>	adjective	<i>dis</i>	discourse marker	<i>poss</i>	possessive
<i>adv</i>	adverb	<i>excl</i>	exclamation	<i>prep</i>	preposition
<i>conj</i>	conjunction	<i>int</i>	interrogative	<i>pron</i>	pronoun
<i>det</i>	determiner	<i>n</i>	noun	<i>v</i>	verb

A

a <i>det</i>	Alex <i>n</i>	animal <i>n</i>	apple <i>n</i>
about <i>prep</i>	alphabet <i>n</i>	Ann <i>n</i>	arm <i>n</i>
add <i>v</i>	an <i>det</i>	Anna <i>n</i>	armchair <i>n</i>
afternoon <i>n</i>	and <i>conj</i>	answer <i>n+v</i>	ask <i>v</i>
again <i>adv</i>	angry <i>adj</i>	apartment <i>n</i> (UK flat)	at <i>prep</i> of place

B

baby <i>n</i>	bean <i>n</i>	bird <i>n</i>	box <i>n</i>
badminton <i>n</i>	beautiful <i>adj</i>	birthday <i>n</i>	boy <i>n</i>
bag <i>n</i>	bed <i>n</i>	black <i>adj</i>	bread <i>n</i>
ball <i>n</i>	bedroom <i>n</i>	blue <i>adj</i>	breakfast <i>n</i>
banana <i>n</i>	behind <i>prep</i>	board <i>n</i>	brother <i>n</i>
baseball <i>n</i>	Ben <i>n</i>	boat <i>n</i>	brown <i>adj</i>
basketball <i>n</i>	between <i>prep</i>	body <i>n</i>	burger <i>n</i>
bath <i>n</i>	big <i>adj</i>	book <i>n</i>	bus <i>n</i>
bathroom <i>n</i>	bike <i>n</i>	bookcase <i>n</i>	but <i>conj</i>
be <i>v</i>	Bill <i>n</i>	bounce <i>v</i>	bye (-bye) <i>excl</i>
beach <i>n</i>			

C

cake <i>n</i>	chicken <i>n</i>	close <i>v</i>	computer <i>n</i>
camera <i>n</i>	child/children <i>n</i>	closed <i>adj</i>	correct <i>adj</i>
can <i>v</i>	chips <i>n</i> (US fries)	clothes <i>n</i>	cousin <i>n</i>
car <i>n</i>	choose <i>v</i>	coconut <i>n</i>	cow <i>n</i>
carrot <i>n</i>	class <i>n</i>	colour <i>n+v</i>	crocodile <i>n</i>
cat <i>n</i>	classroom <i>n</i>	come <i>v</i>	cross <i>n+v</i>
catch (e.g. a ball) <i>v</i>	clean <i>adj+v</i>	complete <i>v</i>	cupboard <i>n</i>
chair <i>n</i>	clock <i>n</i>		

D

dad(dy) <i>n</i>	dirty <i>adj</i>	door <i>n</i>	dress <i>n</i>
day <i>n</i>	do <i>v</i>	double <i>adj</i>	drink <i>n+v</i>
desk <i>n</i>	dog <i>n</i>	draw <i>v</i>	drive <i>v</i>
dining room <i>n</i>	doll <i>n</i>	drawing <i>n</i>	duck <i>n</i>
dinner <i>n</i>			

E

ear <i>n</i>	elephant <i>n</i>	enjoy <i>v</i>	evening <i>n</i>
eat <i>v</i>	end <i>n</i>	eraser <i>n</i> (UK rubber)	example <i>n</i>
egg <i>n</i>	English <i>adj+n</i>	eye <i>n</i>	

F

face <i>n</i>	fishing <i>n</i>	food <i>n</i>	fries <i>n</i> (UK chips)
family <i>n</i>	flat <i>n</i> (US apartment)	foot/feet <i>n</i>	frog <i>n</i>
father <i>n</i>	floor <i>n</i>	football <i>n</i> (US soccer)	from <i>prep</i>
favourite <i>adj</i>	flower <i>n</i>	for <i>prep</i>	fruit <i>n</i>
find <i>v</i>	fly <i>v</i>	friend <i>n</i>	funny <i>adj</i>
fish (s +pl) <i>n</i>			



G

game *n*
garden *n*
get *v*
giraffe *n*
girl *n*
give *v*

glasses *n*
go *v*
goat *n*
good *adj*
goodbye *excl*

grandfather *n*
grandma *n*
grandmother *n*
grandpa *n*
grape *n*

gray *adj* (UK grey)
great *adj+excl*
green *adj*
grey *adj* (US gray)
guitar *n*

H

hair *n*
hall *n*
hand *n*
handbag *n*
happy *adj*
hat *n*
have *v*

have got *v*
he *pron*
head *n*
helicopter *n*
hello *excl*
her *poss adj+pron*
here *adv*

hers *pron*
him *pron*
hippo *n*
his *poss adj+pron*
hit *v*
hobby *n*
hockey *n*

hold *v*
horse *n*
house *n*
how *int*
how many *int*
how old *int*

I

I *pron*
ice cream *n*

in *prep of place*
in front of *prep*

it *pron*
its *poss adj+pron*

J

jacket *n*
jeans *n*

Jill *n*
juice *n*

jump *v*

K

kick *v*
Kim *n*

kitchen *n*
kite *n*

know *v*

L

lamp *n*
learn *v*
leg *n*
lemon *n*
lemonade *n*
lesson *n*
let's *v*

letter *n* (as in alphabet)
like *prep+ v*
lime *n*
line *n*
listen *v*
live *v*
living room *n*

lizard *n*
long *adj*
look *v*
look at *v*
lorry *n* (US truck)
a lot *adv+pron*
a lot of *det*

lots *adv+pron*
lots of *det*
love *v*
Lucy *n*
lunch *n*

M

make *v*
man/ men *n*
mango *n*
many *det*
mat *n*
May (as in girl's name) *n*

me *pron*
me too *dis*
meat *n*
milk *n*
mine *pron*
mirror *n*

Miss *title*
monkey *n*
monster *n*
morning *n*
mother *n*
motorbike *n*

mouse/ mice *n*
mouth *n*
Mr. *title*
Mrs. *title*
Mum(my) *n*
my *poss adj*

N

name *n*
new *adj*
next to *prep*

nice *adj*
Nick *n*
night *n*

no *adv+det*
nose *n*
not *adv*

now *adv*
number *n*

O

of *prep*
oh *dis*
oh dear *excl*
OK *adj+dis*

old *adj*
on *prep of place*
one *det+pron*
onion *n*

open *adj+ v*
or *conj*
orange *adj+ n*
our *poss adj*

ours *pron*

P

page *n*
paint *n+ v*
painting *n*

pea *n*
pear *n*
pen *n*

piano *n*
pick up *v*
picture *n*

playground *n*
please *dis*
point *v*



pardon *int*
park *n*
part *n*
Pat *n*

pencil *n*
person/ people *n*
phone *n+v*
photo *n*

pineapple *n*
pink *adj*
plane *n*
play *v*

potato *n*
purple *adj*
put *v*

Q

question *n*

R

radio *n*
read *v*
red *adj*

rice *n*
ride *v*
right *adj* (as in correct)

right *dis*
robot *n*
room *n*

rubber *n* (US eraser)
ruler *n*
run *v*

S

sad *adj*
Sam *n*
sand *n*
sausage *n*
say *v*
school *n*
sea *n*
see *v*
sentence *n*
she *pron*
sheep (s +pl) *n*
shell *n*

shirt *n*
shoe *n*
shop *n* (US store)
short *adj*
show *v*
sing *v*
sister *n*
sit *v*
skirt *n*
sleep *v*
small *adj*
smile *n+v*

snake *n*
so *dis*
soccer *n* (UK football)
sock *n*
sofa *n*
some *det*
song *n*
sorry *adj+int*
spell *v*
spider *n*
sport *n*
stand *v*

start *v*
stop *v*
store *n* (UK shop)
story *n*
street *n*
Sue *n*
sun *n*
supper *n*
swim *v*

T

table *n*
table tennis *n*
tail *n*
take a photo/ picture *v*
talk *v*
teacher *n*
television/ TV *n*
tell *v*
tennis *n*
test *n+v*
thank you *dis*

thanks *dis*
that *det+pron*
the *det*
their *poss adj*
theirs *pron*
them *pron*
then *adv+dis*
there *adv*
these *det+pron*
they *pron*
this *det+pron*

those *det+pron*
throw *v*
tick *n+v*
tiger *n*
to *prep*
today *adv+n*
Tom *n*
tomato *n*
Tony *n*
too *adv*
toy *n*

train *n*
tree *n*
trousers *n*
truck *n* (UK lorry)
try *n+v*
T-shirt *n*
TV/ television *n*

U

ugly *adj*

under *prep*

understand *v*

us *pron*

V

very *adv*

W

walk *v*
wall *n*
want *v*
watch *n+v*
water *n*
watermelon *n*

wave *v*
we *pron*
wear *v*
well *dis*
well done *dis*
what *int*

where *int*
which *int*
white *adj*
who *int*
whose *int*
window *n*

with *prep*
woman/ women *n*
word *n*
would like *v*
wow! *excl*
write *v*

Y

yellow *adj*
yes *adv*

you *pron*
young *adj*

your *poss adj*
yours *pron*

Z

zoo *n*



Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN KHÁNH
Q. Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung :

HUỲNH THỊ XUÂN PHƯƠNG

Thiết kế sách :

PHẠM NGỌC NGÀ – HOÀNG CAO HIỂN

Trình bày bìa :

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in :

XUÂN PHƯƠNG

Chế bản tại :

Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định

Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm.

**ĐỀ KIỂM TRA THAM KHẢO MÔN TIẾNG ANH 1
(SỬ DỤNG KÈM Đĩa CD)**

Mã số : T1N10M5 - DVN

Số Đăng kí KHXB : 2236-2015/CXBIPH/07-1147/GD

QĐXB số: 849TK/QĐ-GD ngày 17 tháng 09 năm 2015.

In 10.000 cuốn (QĐ in số 44/QĐIn-DVN), khổ 20,5 x 27,5 cm.

Tại **CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

Trụ sở: 128/7/7 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM

Xưởng In: 9-11 đường CN1 (KCN Tân Bình), P.Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, Tp.HCM.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 09 năm 2015